



**KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN THỎẢ THUẬN PARIS
VỀ KHÍ HẬU**

*PLAN FOR IMPLEMENTATION
OF
THE PARIS AGREEMENT*

Hà Nội, tháng 10 năm 2016

Hà Nội, October 2016

MỤC LỤC

I. MỞ ĐẦU	1
1.1. Thỏa thuận Paris và cam kết của Việt Nam	1
1.2. Cơ sở pháp lý của việc xây dựng Kế hoạch.....	3
II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN	5
2.1. Quan điểm	5
2.2. Mục tiêu	5
2.2.1. Mục tiêu chung	5
2.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	5
2.3. Phân kỳ thực hiện	7
III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP	7
3.1. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	7
3.1.1. Giai đoạn 2016 - 2020.....	7
3.1.2. Giai đoạn 2021 - 2030.....	9
3.2. Thích ứng với biến đổi khí hậu	9
3.2.1. Giai đoạn 2016 - 2020.....	9
3.2.2. Giai đoạn 2021 - 2030.....	13
3.3. Phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn lực	15
3.3.1. Nguồn lực con người	15
3.3.2. Nguồn lực công nghệ.....	17
3.3.3. Nguồn lực tài chính.....	17
3.4. Thiết lập Hệ thống Công khai, Minh bạch (MRV)	17
3.4.1. MRV cho giảm nhẹ phát thải KNK.....	17
3.4.2. MRV cho thích ứng với biến đổi khí hậu.....	19
3.4.3. MRV cho huy động nguồn lực	19
3.5. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, thể chế	19
IV. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN VỐN	19
V. TÁC ĐỘNG CỦA KẾ HOẠCH	23
5.1. Tác động về kinh tế, xã hội và môi trường	23
5.1.1. Tác động về kinh tế.....	23
5.1.2. Tác động về xã hội.....	23
5.1.3. Tác động về môi trường.....	25
5.2. Tác động về lồng ghép với các chương trình khác	25

TABLE OF CONTENTS

I. INTRODUCTION	2
1.1. Paris Agreement and Viet Nam’s commitments	2
1.2. Legal basis for Plan development	4
II. VIEWPOINTS AND OBJECTIVES	6
2.1. Viewpoints	6
2.2. Objectives	6
2.2.1. Overall objective.....	6
2.2.2. Specific objectives	6
2.3. Scope and Timeframe	8
III. CONTENTS OF THE PLAN	8
3.1. Mitigation of greenhouse gas emissions	8
3.1.1. Implementation activities 2016 – 2020.....	8
3.2. Adaptation to climate change	10
3.2.1. Implementation activities 2016 – 2020.....	10
3.2.2. Implementation activities 2021 – 2030.....	14
3.3. Development and efficient utilization of resources	16
3.3.1. Human resources.....	16
3.3.2. Technological resources	18
3.3.3. Financial resources.....	18
3.4. Establishment of Transparency System (MRV)	18
3.4.1. MRV for mitigation of GHG emissions	18
3.4.2. MRV for adaptation to climate change	20
3.4.3. MRV for resource allocation.....	20
3.5. Development and revision of institutions and policies	20
IV. CAPITAL SOLUTIONS	20
V. IMPACT OF THE IMPLEMENTATION	24
5.1. Impacts on economy, society and environment	24
5.1.1. Impacts on the economy	24
5.1.2. Impacts on the society.....	24
5.1.3. Impacts on the environment.....	26
5.2. Impacts of the integration with other programs	26

VI. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH.....	25
6.1. Thuận lợi.....	25
6.2. Khó khăn.....	29
6.2.1 Đối với các nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải KNK.....	29
6.2.2. Đối với các nhiệm vụ thích ứng với BĐKH	29
VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	31
7.1. Điều hành quản lý, thực hiện Kế hoạch.....	31
7.2. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.....	31
7.3. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương	33
7.4. Giám sát và đánh giá.....	33
VIII. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ.....	35
8.1. Các cơ chế chính sách cần ban hành.....	35
8.2. Các đề xuất khác	35
PHỤ LỤC: CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN THỎẢ THUẬN PARIS VỀ KHÍ HẬU ...	39
I. NHIỆM VỤ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH.....	39
1.1 Các nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2016 - 2020	39
1.2 Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021 - 2030.....	45
II. NHIỆM VỤ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.....	49
2.1. Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2016 - 2020.....	49
2.2. Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021 - 2030.....	57
III. NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ NGUỒN LỰC.....	67
3.1. Chuẩn bị nguồn lực con người.....	67
3.2. Chuẩn bị nguồn lực công nghệ	69
3.3. Chuẩn bị nguồn lực tài chính	71
IV. NHIỆM VỤ THIẾT LẬP HỆ THỐNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH (MRV)	75
4.1. MRV cho giảm nhẹ phát thải KNK.....	75
4.2. MRV cho thích ứng với BĐKH	79
4.3. MRV cho huy động nguồn lực.....	81
V. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, THỂ CHẾ.....	83
5.1. Xây dựng và hoàn thiện chính sách	83
5.2. Sắp xếp thể chế	85

VI. ADVANTAGES AND DISADVANTAGES OF THE IMPLEMENTATION PLAN ...	26
6.1. Advantages of the Implementation Plan	26
6.2. Disadvantages of the Implementation Plan	30
6.2.1. For the mitigation of GHG emissions.....	30
6.2.2. For the adaptation of climate change	30
VII. IMPLEMENTATION ARRANGEMENTS.....	32
7.1. Executive management and implementation of the Plan.....	32
7.2. Responsibilities of Ministry of Natural Resources and Environment	32
7.3. Responsibilities of related Ministries, sectors and localities	34
7.4. Monitoring and evaluation.....	34
VIII. PROPOSALS AND RECOMMENDATIONS	36
8.1. Policies and mechanisms to be issued	36
8.2. Other proposals	36
ANNEX I: TASKS TO IMPLEMENT THE PARIS AGREEMENT	40
I. MITIGATION OF GREENHOUSE GAS EMISSIONS	40
1.1. Tasks with high priority during 2016 - 2020.....	40
1.2. Tasks with high priority during 2021 – 2030.....	46
II. ADAPTATION TO CLIMATE CHANGE	50
2.1. Tasks with high priority during 2016 - 2020.....	50
2.2. Tasks with high priority during 2021 – 2030.....	58
III. PREPARATION OF RESOURCES	68
3.1. Preparation of human resources.....	68
3.2. Preparation of technological resources	70
3.3. Preparation of financial resources.....	72
IV. ESTABLISHMENT OF TRANSPARENCY SYSTEM (MRV).....	76
4.1. MRV for mitigation of GHG emissions.....	76
4.2. MRV for adaptation to climate change	80
4.3. MRV for resource allocation.....	82
V. DEVELOPMENT AND REVISION OF POLICIES AND INSTITUTIONS.....	84
5.1. Development and revision of policies.....	84
5.2. Institution arrangements.....	86

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AFD	Cơ quan Phát triển Pháp
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BỘ CT	Bộ Công Thương
BỘ GDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BỘ GTVT	Bộ Giao thông Vận tải
BỘ KHHCN	Bộ Khoa học và Công nghệ
BỘ KHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
BỘ LĐTBXH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
BỘ NNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
BỘ TC	Bộ Tài chính
BỘ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BỘ XD	Bộ Xây dựng
CDM	Cơ chế phát triển sạch
COP21	Hội nghị các Bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 21
GCF	Quỹ Khí hậu xanh
GIZ	Tổ chức hợp tác phát triển Đức
INDC	Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định
JICA	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản - JICA
KNK	Khí nhà kính

ABBREVIATIONS

AFD	French Development Agency
CDM	Clean Development Mechanism
COP21	21st Conference of the Parties of the United Nations Framework Convention on Climate Change
GCF	Green Climate Fund
GG	Green Growth
GHG	Greenhouse gas
GIZ	Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit GmbH
INDC	Intended Nationally Determined Contribution
JICA	Japan International Cooperation Agency
MARD	Ministry of Agriculture and Rural Development
MOIC	Ministry of Information and Communications
MOC	Ministry of Construction
MOET	Ministry of Education and Training
MOF	Ministry of Finance
MOHA	Ministry of Home Affairs
MOIT	Ministry of Industry and Trade
MOLISA	Ministry of Labour-Invalids and Social Affairs
MONRE	Ministry of Natural Resources and Environment
MOST	Ministry of Science and Technology

KT-XH	Kinh tế - xã hội
MRV	Công khai minh bạch hay còn được gọi là Đo đạc, Báo cáo, Thẩm định - MRV
NAMA	Giảm nhẹ phát thải KNK phù hợp với điều kiện quốc gia
NDC	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NLTT	Năng lượng tái tạo
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
PMR	Đối tác thị trường các-bon
REDD+	Nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng
RMF	Khung huy động nguồn lực
SP-RCC	Chương trình hỗ trợ ứng phó với BĐKH
TTX	Tăng trưởng xanh
UBQGBĐKH	Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc
VPCC	Hội đồng tư vấn của Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu
WB	Ngân hàng Thế giới

MPI	Ministry of Planning and Investment
MRV	Transparency system, also known as Measurement, Reporting, and Verification - MRV
MOT	Ministry of Transport
NAMA	Nationally Appropriate Mitigation Actions
ODA	Official Development Assistance
NCCC	National Committee for Climate Change
NDC	Nationally Determined Contributions
PMR	Partnership for Market Readiness
REDD+	Efforts to reduce emissions from deforestation and forest degradation, sustainable management of forests, and enhancement of forest carbon stocks
RMF	Resources Mobilization Framework
RE	Renewable Energy
SBV	The State Bank of Viet Nam
SP-RCC	Support Programme to Respond to Climate Change
UNDP	United Nations Development Programme
VPCC	Viet Nam Panel on Climate Change
WB	World Bank

I. MỞ ĐẦU

1.1. Thỏa thuận Paris và cam kết của Việt Nam

Thỏa thuận Paris về khí hậu (sau đây gọi tắt là Thỏa thuận Paris) được thông qua tại Hội nghị các Bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 21 (COP21), là văn bản pháp lý toàn cầu đầu tiên ràng buộc trách nhiệm của tất cả các Bên trong ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH). Trách nhiệm này đã được các Bên cam kết thông qua “Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định” (INDC).

Là một trong những quốc gia chịu nhiều tác động của BĐKH, Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều giải pháp để ứng phó với BĐKH thông qua xây dựng và thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và Chiến lược Tăng trưởng xanh (TTX). Đây là những định hướng chiến lược nhằm giải quyết các vấn đề BĐKH một cách căn cơ, bài bản trong nhiều thập kỷ tiếp theo và là nội dung chủ đạo khi xây dựng cam kết nêu trong INDC của Việt Nam trình Liên Hợp Quốc tháng 09 năm 2015.

INDC của Việt Nam (sau khi Việt Nam ký kết Thỏa thuận Paris về khí hậu thì INDC được hiểu là “Đóng góp do quốc gia tự quyết định” (NDC)) bao gồm hai hợp phần chính là giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) và thích ứng với BĐKH.

Về giảm nhẹ phát thải KNK, Việt Nam đặt mục tiêu đến 2030, bằng nguồn lực trong nước, sẽ giảm 8% tổng lượng phát thải KNK so với kịch bản phát triển thông thường và có thể tăng lên thành 25% khi nhận được hỗ trợ quốc tế thông qua hợp tác song phương, đa phương và thực hiện các cơ chế mới trong Thỏa thuận khí hậu toàn cầu. Đóng góp về giảm nhẹ phát thải KNK của Việt Nam sẽ định kỳ được xem xét, đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

Về thích ứng với BĐKH, Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án thích ứng với BĐKH trong khuôn khổ Chiến lược quốc gia về BĐKH nhằm tăng khả năng chống chịu, bảo vệ cuộc sống và sinh kế cho người dân, tạo điều kiện để có đóng góp lớn hơn trong giảm nhẹ phát thải KNK.

Kế hoạch này nhằm cụ thể các cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế trong ứng phó với BĐKH thực hiện các nghĩa vụ áp dụng đối với Việt Nam tại Thỏa thuận Paris và bao gồm 5 nội dung chính:

- Giảm nhẹ phát thải KNK: các nhiệm vụ và giải pháp nhằm thực hiện các đóng góp về giảm nhẹ phát thải KNK nêu trong NDC và tận dụng cơ hội phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp;

- Thích ứng với BĐKH: các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện các đóng góp về thích ứng với BĐKH nêu trong NDC nhằm giảm tổn thương, tăng khả năng chống chịu với BĐKH;

I. INTRODUCTION

1.1. Paris Agreement and Viet Nam’s commitments

The Paris Agreement, adopted at the 21st Conference of the Parties of the United Nations Framework Convention on Climate Change (COP21), is the first international legal document that includes responsibilities of all Parties in responding to climate change. The Parties committed to these responsibilities through their Intended Nationally Determined Contributions (INDC).

Being one of the countries heavily impacted by climate change, Viet Nam has been and is implementing many solutions to respond to climate change through developing and carrying out the National Climate Change Strategy (CCS) and Green Growth Strategy (GGS). These are strategic trajectories to solve climate change problems in a fundamental, methodological manner in many decades to come, and were a key content in constructing Viet Nam’s commitments in its INDC, submitted to the United Nations in October 2015.

Viet Nam’s INDC comprises of two main components: mitigation of greenhouse gas (GHG) emissions, and adaptation to climate change.

In term of mitigation of GHG emissions, by 2030, Viet Nam commits to reduce 8% GHG emissions compared to Business-as-Usual (BAU) levels when using its own resources, and up to 25% when receiving international support. Emission mitigation targets will be periodically reviewed, evaluated, and revised in accordance with conditions of socio-economic developments in each period.

In term of adaptation to climate change, Viet Nam will continue its programmes and projects to adapt to climate change within the scope of the National Climate Change Strategy, in order to improve resilience, to protect the citizens’ lives and livelihoods, and to facilitate large contributions to GHG emission mitigation.

This plan aims to execute Vietnam’s commitments in the Paris Agreement to adapt to climate change which include five main components:

- Mitigation of GHG emissions: The tasks and measures to achieve the targets listed in the NDC and take advantage of the opportunity to develop the economy in the direction of low-carbon;

- Adaptation to climate change: The tasks and measures to contribute to climate change adaptation stated in the NDC; enhance resilience to climate change;

- Nguồn lực thực hiện: các nhiệm vụ và giải pháp về phát triển nguồn lực con người; phát triển và chuyển giao công nghệ và huy động tài chính bảo đảm thực hiện các đóng góp đã được xác định trong NDC và tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại để phát triển đất nước;

- Hệ thống công khai, minh bạch (hệ thống MRV): các nhiệm vụ và giải pháp nhằm theo dõi, giám sát việc thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK, thích ứng với BĐKH, bảo đảm nguồn lực để thực hiện;

- Thể chế, chính sách: các nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn kỹ thuật; quy định trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương và tăng cường phối hợp xử lý các vấn đề liên vùng, liên ngành.

Việt Nam thực hiện Thỏa thuận Paris trên cơ sở tôn trọng, thúc đẩy và xem xét các nghĩa vụ liên quan về quyền con người; quyền về sức khỏe; quyền của cộng đồng ở địa phương, trẻ em, người khuyết tật và những người ở hoàn cảnh dễ tổn thương; cũng như quyền phát triển, công bằng giới, trao quyền cho phụ nữ và bình đẳng thể hệ.

1.2. Cơ sở pháp lý của việc xây dựng Kế hoạch

Việc xây dựng Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về khí hậu được dựa trên cơ sở pháp lý sau đây:

- Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 ngày 09 tháng 4 năm 2016;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

- Nghị quyết 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về Phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020;

- Nghị quyết 08/NQ-CP năm 2014 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Quyết định 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về BĐKH;

- Quyết định 1393/QĐ-TTg ngày 25/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh;

- Quyết định số 1775/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới;

- Implementation resources: The tasks and measures for human resource development; development and transfer of technology and financial mobilization to ensure the commitments stated in the NDC; also to utilize the opportunities presented by the Paris Agreement to develop the country;

- Transparency system (MRV system): The tasks and measures to monitor and supervise the implementation of GHG emission mitigation, adaptation to climate change and ensuring adequate resources for the implementation.

- Institutional and policy: The tasks and measures to develop and revise legal documents, technical guidance; define the responsibilities of line Ministries, sectors, localities and strengthen the coordination in handling inter- regional and interdisciplinary issues.

Vietnam will implement the Paris Agreement on the basis of mutual respect, to promote and take into consideration the obligations related to human rights, the rights to health, and the rights of local communities, children, the disabled and those in vulnerable circumstances; as well as gender equality, women's empowerment and generation equality.

1.2. Legal basis for Plan development

The development of Plan for Implementation of the Paris Agreement is based on the following:

- International Treaty Law No.108/2016/QH13 dated 09/04/2016;

- Resolution No.24-NQ/TW dated 3/6/2013 of the 7th Session of the 11th Central Committee on active response to climate change, enhancing resource management and environmental protection;

- Resolution No.63/NQ-CP dated 22/7/2016, promulgating the Government Action Programme to execute the Resolution of the National Assembly on the 2016-2020 five-year socio-economic development plan (Item151);

- Resolution No.73/NQ-CP dated 26/08/2016 by the Government on the approval of investment policies for National Target programs period of 2016 - 2020.

- Resolution No.08/NQ-CP in 2014 on Programme to execute Resolution No.24-NQ/TW by the Government on active response to climate change, enhancing resource management and environmental protection;

- Decision No.2139/QĐ-TTg dated 05/12/2012 by the Prime Minister, on approval of the National Climate Change Strategy;

- Decision No.1393/QĐ-TTg dated 25/09/2012 by the Prime Minister, on approval of the Green Growth Strategy;

- Quyết định số 2359/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Hệ thống quốc gia về kiểm kê khí nhà kính.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN

2.1. Quan điểm

1. Là một nước đang phát triển và chịu nhiều tác động của BĐKH, Việt Nam sẽ thực hiện Thỏa thuận Paris phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của quốc gia theo từng giai đoạn và mức độ hỗ trợ quốc tế;

2. Việc thực hiện Thỏa thuận Paris cần tuân theo các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước; kế thừa các kết quả đã đạt được và tiếp tục các hoạt động ứng phó với BĐKH và TTX có điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu mới và tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại;

3. Thích ứng với BĐKH là trọng tâm với nguồn lực chủ yếu từ ngân sách nhà nước, bao gồm cả hỗ trợ quốc tế. Giảm nhẹ phát thải KNK và TTX là quan trọng với nguồn lực chủ yếu từ doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội với vai trò xúc tác của nguồn lực nhà nước.

2.2. Mục tiêu

2.2.1. Mục tiêu chung

Xác định và triển khai các hoạt động, các giải pháp phù hợp đến 2020 và 2030 để từng bước thực hiện đầy đủ các quy định trong Thỏa thuận Paris về khí hậu áp dụng cho Việt Nam.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

1. Thực hiện các cam kết giảm nhẹ phát thải KNK trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam;

2. Thực hiện các cam kết thích ứng với BĐKH trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam;

3. Chuẩn bị nguồn lực về con người, công nghệ và tài chính để thực hiện các cam kết trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định và góp phần chuyển đổi nền kinh tế theo hướng các-bon thấp, chống chịu cao;

4. Thiết lập và vận hành hệ thống công khai, minh bạch (MRV) nhằm giám sát, đánh giá việc thực hiện thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải KNK, chuẩn bị nguồn lực;

5. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo lập môi trường thuận lợi và tập trung nỗ lực quốc gia cho ứng phó với BĐKH, bao gồm cả việc **đánh giá thực trạng** để điều chỉnh các chính sách, chiến lược, kế hoạch quốc gia nhằm hài hòa giữa ứng phó BĐKH và phát triển KT-XH; tăng cường phối hợp xử lý các vấn đề liên vùng, liên ngành; thu hút nguồn lực tư nhân và hỗ trợ quốc tế.

- Decision No. 2359/QĐ-TTg dated 22/12/2015 by the Prime Minister on the approval of the National GHG inventories.

II. VIEWPOINTS AND OBJECTIVES

2.1. Viewpoints

1. Viet Nam is a developing country strongly impacted by climate change, so implementation of the Paris Agreement needs to be suitable to Viet Nam's development circumstances during each period and the level of international support received;

2. Implementation of the Paris Agreement needs to inherit viewpoints, policies and activities for climate change response and GG which have been and are being implemented with adjustments and supplements to be in line with new requirements and take advantage of the opportunities presented by the Paris Agreement;

3. In early stages, adaptation to climate change continues to be the focus. The main resources for climate change adaptation come from government budget, including ODA. In the long run, resources for GHG emission mitigation and GG will come from private investments, with state resources playing a leverage role.

2.2. Objectives

2.2.1. Overall objective

Identify and implement appropriate activities and solutions until 2020 and 2030 to gradually carry out all the provisions in the Paris Agreement applicable to Viet Nam.

2.2.2. Specific objectives

1. Fulfill commitments in the Intended Nationally Determined Contribution to mitigate GHG emissions;

2. Fulfill commitments in the Intended Nationally Determined Contribution to adapt to climate change;

3. Prepare human, technological and financial resources to fulfill commitments in the Intended Nationally Determined Contribution and contribute to the transition to a low-carbon, highly resilient economy;

4. Establish and operate the transparency system (MRV) to monitor and assess the implementation of adaptation, mitigation, and resource preparation;

5. Revise institutions and policies to establish a favourable environment and focus national efforts to respond to climate change, including assessing the current situation, to make adjustments to policies, strategies, national plans to harmonize between climate change response and socio-economic development; enhance coordination in handling regional and inter-sectoral issues; attract private resources and international support.

2.3. Phân kỳ thực hiện

Khung thời gian của Kế hoạch này là đến 2030, trong đó:

- Giai đoạn 2016 đến 2020 tiếp tục thực hiện các hoạt động ứng phó với BĐKH đã được phê duyệt và chuẩn bị về mặt thể chế chính sách và nguồn lực để đến 2020 sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ do Thỏa thuận Paris quy định;

- Giai đoạn 2021 đến 2030, tập trung thực hiện các nội dung trong NDC và các nhiệm vụ mới theo quy định của Thỏa thuận Paris.

Trong quá trình thực hiện, Kế hoạch này sẽ được giám sát, rà soát, đánh giá và có thể được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của quốc gia và quy định quốc tế.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

3.1. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

3.1.1. Giai đoạn 2016 - 2020

Tiếp tục thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK trong các chương trình hành động ứng phó với BĐKH và TTX đã được phê duyệt; chuẩn bị về mặt thể chế chính sách và nguồn lực để đến 2020 sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ do Thỏa thuận Paris quy định, cụ thể như sau:

1. Rà soát, hoàn thiện các chính sách liên quan đến giảm nhẹ phát thải KNK và TTX, trong đó có:

- Xây dựng Nghị định quy định lộ trình và phương thức để Việt Nam tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK toàn cầu;

- Ban hành chính sách khuyến khích phát triển các dự án năng lượng tái tạo, trước hết là năng lượng mặt trời, năng lượng gió;

- Xây dựng thị trường các-bon trong nước và áp dụng thí điểm cho các lĩnh vực có nhiều tiềm năng;

2. Vận hành hệ thống kiểm kê KNK quốc gia, thực hiện kiểm kê KNK định kỳ cho năm các cơ sở là 2014, 2016 và 2018;

3. Cập nhật đóng góp về giảm nhẹ phát thải KNK trong NDC thông qua đánh giá nỗ lực của Việt Nam trong giảm nhẹ phát thải KNK và tham gia đánh giá nỗ lực toàn cầu vào năm 2018;

4. Thực hiện kế hoạch hành động phát triển năng lượng tái tạo đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

5. Xây dựng và thực hiện các dự án có thể huy động đầu tư về giảm nhẹ phát thải KNK và TTX phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA), khuyến khích thực hiện các cam kết của Việt Nam về giảm nhẹ phát thải KNK trong NDC.

2.3. Scope and Timeframe

The timeframe of this Plan is until 2030, in which:

- The period from 2016 to 2020 focuses on preparation for readiness in 2020 to carry out responsibilities determined in the Paris Agreement, as well as on implementation of approved activities to respond to climate change;

- The period from 2021 to 2030 focuses on fulfilling commitments determined in the INDC, and carrying out new tasks as required by the Paris Agreement.

During implementation, this Plan may be adjusted appropriately to specific national circumstances, level of international support, and global climate change negotiation situations.

III. CONTENTS OF THE PLAN

3.1. Mitigation of greenhouse gas emissions

3.1.1. Implementation activities 2016 – 2020

To continue to complement the approved GHG emission mitigation activities in the action plan to respond to climate change, green growth; to prepare the institutional policies and resources to implement the commitments in the Paris Agreement starting in 2020, as follows:

1. To review and revise the policies related to the mitigation of GHG emissions and green growth, including:

- To develop the Decree for roadmap and methods for Vietnam to participate in global mitigation of GHG emissions;

- To promulgate policies to encourage the development of renewable energies especially solar power, wind energy;

- To develop national carbon market and pilot in potential sectors.

2. To operate the national GHG inventories, perform periodic GHG inventory for the base years of 2014, 2016 and 2018.

3. To update the contribution of GHG emissions to the commitment in NDC through the assessment of Vietnam's effort in GHG emissions and participation in the global effort evaluation in 2018.

4. Implementation of action plan to develop renewable energy to 2030 with the vision to 2050.

5. To develop and implement projects that can mobilize financial resources related to mitigation of GHG emissions and green growth that align with the national capacity (NAMA), encourage the implementation of commitments on mitigation of GHG emissions in NDC.

3.1.2. Giai đoạn 2021 - 2030

Tập trung thực hiện các nội dung giảm nhẹ phát thải KNK đã cam kết trong NDC, cụ thể như sau:

- Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng; đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng; thay đổi cơ cấu nhiên liệu trong công nghiệp và giao thông vận tải;

- Thực hiện các nỗ lực giảm nhẹ phát thải KNK phù hợp với điều kiện quốc gia cho từng ngành, lĩnh vực và địa phương để thực hiện các cam kết trong NDC đã được cập nhật trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu năm 2018, 2023, 2028;

- Tăng cường năng lực quản lý chất thải; áp dụng các công nghệ tiên tiến về tái chế chất thải rắn, xử lý chất thải rắn hữu cơ có thu hồi mê-tan cho phát điện và cấp nhiệt, thu hồi khí bãi rác và đốt chất thải rắn cho phát điện;

- Triển khai rộng rãi các hành động giảm nhẹ phát thải KNK và TTX, sử dụng các cơ chế, chính sách, công cụ thị trường trong các lĩnh vực có tiềm năng đã được thí điểm thành công trong giai đoạn trước 2020, xem xét lựa chọn các hành động giảm nhẹ phát thải KNK và TTX khác để triển khai phù hợp.

- Bảo tồn và tăng cường các bể hấp thụ khí nhà kính trong lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và rừng (LULUCF).

3.2. Thích ứng với biến đổi khí hậu

3.2.1. Giai đoạn 2016 - 2020

Thực hiện các yêu cầu về thích ứng với BĐKH do Thỏa thuận Paris quy định và các đóng góp về thích ứng với BĐKH trong NDC giai đoạn 2016 - 2020 đã được cụ thể hóa trong Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Nghị quyết 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về Phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020;

1. Thực hiện các yêu cầu về thích ứng với BĐKH do Thỏa thuận Paris quy định:

- Xây dựng kế hoạch thích ứng quốc gia;

- Cập nhật đóng góp về thích ứng với BĐKH trong NDC phục vụ đánh giá nỗ lực toàn cầu vào năm 2018;

- Đánh giá mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương do BĐKH, xác định nhu cầu thích ứng với BĐKH và nhu cầu giải quyết các vấn đề liên quan tới tổn thất và thiệt hại;

- Rà soát thông tin, dữ liệu hiện có về thích ứng với BĐKH, tổn thất và thiệt hại; đề xuất thông tin, nghiên cứu bổ sung và phương thức quản lý, chia sẻ dữ liệu tạo thuận lợi cho việc xây dựng, cập nhật các báo cáo đóng góp của quốc gia về thích ứng với BĐKH.

3.1.2. Implementation activities 2021 – 2030

To focus on the implementation of GHG emissions mitigation commitments stated in NDC, as follows:

- To enhance energy efficiency, reduce energy consumption; promote effective exploitation and increase the share of renewable energies in the energy mix; provide changes in the energy mix of industry and transportation.

- To implement the mitigation of GHG emissions in line with national conditions for sectors and localities in order to achieve the commitments in NDC, updated on the basis of global assessment in 2018, 2023, 2028.

- To strengthen the waste management capacity; apply advanced technologies in recycling solid waste, processing organic solid waste to recover methane for electricity generation and heat supply, recover landfill gas and solid waste combustion for electricity generation.

- To deploy extensive actions related to mitigation of GHG emissions, green growth using mechanisms, policies and market tools in potential sectors which have been successfully piloted in the period before 2020, also consider and select other appropriate actions to deploy.

- To preserve and increase the number of GHG tanks in the field of land use, land-use change and forestry (LULUCF).

3.2. Adaptation to climate change

3.2.1. Implementation activities 2016 – 2020

Implementation the requirements of adaptation to climate change in the Paris Agreement and the contribution stated in the NDC for the period of 2016 – 2020 has been specified in Government's action programme to execute the 5-year socio-economic development plan from 2016 – 2020; Resolution 73/NQ-CP dated 26/08/2016 of the Government on the approval of investment policies for National Target Program period of 2016 – 2020:

1. To implement the requirements of adaptation to climate change in the Paris Agreement:

- Developing a national adaptation plan;

- Updating the contribution to climate change adaptation in NDC for the global assessment in 2018;

- Assessing the level of risk and vulnerability to climate change, identify the needs for climate change adaptation, loss and damage caused by climate change;

- Reviewing the existing database on adaptation to climate change, propose additional researches and management, data sharing practices to update reports of national contribution to climate change adaptation.

2. Thực hiện các hoạt động thích ứng với BĐKH đã được xác định trong Nghị Quyết 63/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, giải pháp đồng bộ chủ động ứng phó với BĐKH và phòng, chống thiên tai;

- Lồng ghép các nội dung về phát triển bền vững, BĐKH và TTX trong phê duyệt các chương trình, dự án đầu tư;

- Xây dựng đề án và triển khai hiệu quả phòng, chống thiên tai và ứng phó với BĐKH theo từng lĩnh vực;

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến pháp luật, phổ cập đến toàn dân về các phương án ứng phó với từng cấp độ của quá trình tác động của BĐKH;

- Tập trung xây dựng và hiện đại hóa hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát BĐKH;

- Tăng cường hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực đầu tư, thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH, phòng chống ngập úng đô thị và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; trong đó đặc biệt tập trung hoàn thành các dự án khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng ở các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long, các dự án cấp bách chống xâm nhập mặn, giữ ngọt phục vụ đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân ở Đồng bằng sông Cửu Long;

- Triển khai hiệu quả chương trình mục tiêu về phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH, nhất là nước biển dâng, phòng chống sa mạc hóa.

3. Thực hiện các hoạt động đầu tư thích ứng với BĐKH và đồng lợi ích (kết hợp thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải KNK) trong Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và TTX đã được xác định trong Nghị quyết 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về Phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020:

- Xây dựng 01 hệ thống giám sát BĐKH; 01 hệ thống giám sát dự báo xâm nhập mặn thuộc hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến 2025;

- Xây dựng 06 đến 08 công trình hồ, đập với dung tích trên 100 triệu m³, nhằm điều tiết lũ trong mùa mưa, chống hạn trong mùa khô ở các khu vực có mức độ hạn hán gia tăng;

- Xây dựng 06 đến 08 hệ thống kiểm soát mặn, giữ ngọt phù hợp với Kế hoạch Đồng bằng sông Cửu Long; từ 2 đến 3 hệ thống kiểm soát mặn, giữ ngọt tại các khu vực ven biển;

2. To implement the activities to adapt to climate change which have been identified in Resolution No.63/NQ-CP dated 22/07/2016 promulgating the Government Action Programme to execute the Resolution of the National Assembly on the 2016-2020 five-year socio-economic development plan (Item 151):

- Improving the legal system, mechanisms, policies and synchronized solutions to actively respond to climate change;

- Integrating the contents of sustainable development, climate change and green growth in the approval of programs, projects;

- Developing and implementing effectively projects to prevent and control natural disasters, respond to climate change in each sector;

- Continuing to disseminate the legislation to the entire population about the respond plan based on the level of climate change impact;

- Focusing on the construction and upgrading of the forecasting systems for disaster warning and climate change monitoring;

- Strengthening international cooperation and mobilize investment resources to effectively prevent and control natural disasters, respond to climate change, prevent flood in urban area, search and rescue; with special focus on completing projects to overcome drought, salinization, sea level rise in Central Region, Central Highlands and Mekong Delta, urgent projects against salinization, preserve fresh water for production and daily life of the people living in the Mekong Delta area;

- Effectively implementing the target programs to prevent and control natural disasters, respond to climate change especially sea level rise and desertification prevention.

3. Executing investment activities for climate change adaptation and co-benefits (combine climate change adaptation and mitigation of GHG emissions) in the National Target Program to respond to climate change, green growth in Resolution No.73/NQ-CP by the Government on the approval of investment policies for National Target Program period of 2016 – 2020:

- Developing a system monitoring climate change; 01 system monitoring the forecast of salinization belongs to the national monitoring system for resources and environment period of 2016 – 2025, with the vision to 2025;

- Constructing 06 to 08 dams with capacity exceed 100 million m³ for rainy and drought season at areas with increasing levels of drought;

- Constructing 06 to 08 systems to control salinization that fit the Mekong Delta Planning; 02 to 03 systems in coastal areas;

- Xây dựng, nâng cấp 200 km đê, kè sông, biển xung yếu ở những khu vực có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến sản xuất, tính mạng và đời sống của 03 triệu người dân ở những khu vực ven sông, ven biển;

- Xây dựng 01 hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về BĐKH và cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của quốc gia;

- Hoàn thành 30 dự án chuyển tiếp; 42 dự án trồng rừng ngập mặn ven biển, phòng hộ đầu nguồn và một số dự án ưu tiên cấp bách tại văn bản số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ sau khi đã được rà soát;

- Trồng, phục hồi 10.000 ha rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn nhằm thích ứng với BĐKH, hấp thụ 02 triệu tấn khí CO₂ mỗi năm và tạo sinh kế ổn định cho người dân.

4. Thực hiện các hoạt động thích ứng với BĐKH khác nhằm tăng khả năng chống chịu, bảo vệ cuộc sống và sinh kế cho người dân, tạo điều kiện để có đóng góp lớn hơn trong giảm nhẹ phát thải KNK, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững;

- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững;

- Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư;

- Các chương trình, dự án đang được triển khai hoặc đã được phê duyệt hoặc đang được xây dựng phù hợp với ưu tiên của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương đã được bảo đảm nguồn lực hoặc có thể vận động được nguồn lực để thực hiện.

3.2.2. Giai đoạn 2021 - 2030

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ thích ứng với BĐKH đã được xác định trong NDC của Việt Nam:

1. Chủ động ứng phó với thiên tai và tăng cường giám sát khí hậu

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn, bảo đảm dự báo và cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết; xây dựng hệ thống đánh giá và giám sát BĐKH và nước biển dâng;

- Hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng và dân sinh phù hợp với bối cảnh BĐKH;

- Xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch dân cư, cơ sở hạ tầng dựa trên kịch bản BĐKH, có chú trọng đến các ngành và vùng trọng điểm;

- Constructing and upgrading 200km of dykes in crucial areas with heavy impacts on production and livelihood of 03 million people in the riverside, coastal areas;

- Developing a national database on climate change and update of national action plan to respond to climate change;

- Completion of 30 projects; 42 projects of coastal mangrove reforestation, watershed protection and a number of urgent priority projects in Document No.1443/TTg-QHQT dated 19/09/2012 by the Prime Minister after reviewing;

- Planting and reforestation of 10,000 hectares of coastal mangrove forests, watershed protection forests to adapt to climate change, absorb 02 million tons of CO₂ per year, establish stable livelihood for the people.

4. Implementation of other activities to adapt to climate change to increase resilience, protect people's livelihoods and create the conditions for greater contributions in GHG emissions, including:

- The Target program on sustainable development of fishery;

- The Target program on sustainable development of forestry;

- The Target program on restructuring agriculture, prevent and control natural disasters, stabilize people's lives.

- Programs and projects underway or have been approved or are being developed in accordance with the priorities of the Government, Ministries, sectors and localities which have secured resources or can mobilize resources to implement.

3.2.2. Implementation activities 2021 – 2030

Continue with the implementation of climate change adaptation tasks identified in Vietnam's NDC:

1. Proactively responding to natural disasters and strengthen climate monitoring:

- Upgrading the monitoring systems and meteorological monitoring technologies, ensuring early warning and forecasting of weather phenomena; develop an assessing and monitoring system for climate change and sea level rise;

- Improving the regulations, technical standards for infrastructure, public works and welfare consistent with the context of climate change;

- Developing the planning for socio-economic development, population, infrastructure based on the climate change scenarios, with emphasis on key sectors, areas;

- Triển khai các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất;

- Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông; bảo đảm an toàn hồ chứa; tăng cường hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề nước xuyên biên giới; đảm bảo an ninh nguồn nước;

- Quản lý rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn, rừng ven biển;

2. Đảm bảo an sinh xã hội

- Đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tạo giống mới thích ứng với BĐKH; hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh;

- Rà soát, điều chỉnh và phát triển sinh kế và quá trình sản xuất phù hợp với điều kiện BĐKH gắn với xóa đói giảm nghèo, công bằng xã hội;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách, tăng cường hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro khí hậu và thiên tai;

- Thực hiện thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng, thông qua phát triển dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng kiến thức của người dân địa phương, ưu tiên đối với cộng đồng dễ bị tổn thương nhất.

3. Ứng phó với nước biển dâng và ngập lụt đô thị

- Quy hoạch đô thị và sử dụng đất, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo trên cơ sở kịch bản nước biển dâng; thực hiện quản lý tổng hợp dải ven bờ;

- Chống ngập cho các thành phố lớn ven biển; xây dựng các cơ sở hạ tầng đô thị chống chịu với tác động của BĐKH; củng cố và xây mới các công trình cấp, thoát nước đô thị lớn;

- Củng cố, nâng cấp và hoàn thiện các tuyến đê biển, đê sông xung yếu; kiểm soát xâm nhập mặn các vùng bị ảnh hưởng nặng nề nhất.

3.3. Phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

3.3.1. Nguồn lực con người

- Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo lại cán bộ, viên chức, người lao động đáp ứng nhu cầu thực hiện Thỏa thuận Paris;

- Implementing the plans, solutions and projects to prevent and control natural disasters in order to protect people's lives; ensuring national defense; search and rescue, resettle the population in areas frequently affected by hurricanes, storm surges, floods, erosions or at risk of landslides;

- Integrated management of water resources in river basin; ensuring the safety of the reservoir; strengthen international cooperation to address transboundary water issues; ensuring water security;

- Sustainable forest management, prevent deforestation and forest degradation; plant, protect and restore focusing on forests with large-sized timber, coastal forests; restructure crops and livestock.

2. Ensuring social security

- Ensuring food security by protecting and maintaining fair and sustainable management of agricultural land; restructure crops and livestock's; create new varieties to adapt to climate change; improve the system to control and prevent disease;

- Reviewing and adjusting the production process and livelihoods to adapt to climate change, associated with poverty reduction and social equality;

- Developing the mechanisms policies to strengthen the insurance system, sharing the risk of climate change and natural disasters;

- Implementing adaptation to climate change based on the ecosystems and communities, through developing services related to ecosystem, biodiversity conservation, using the knowledge of locals especially with vulnerable communities.

3. Responding to sea level rise and flood in urban area

- Planning of urban area, land use, infrastructure, industrial parks, coastal and island resettlements on the basis of sea-level rise scenarios; implement integrated management for the coastal strip;

- Preventing flood for major coastal cities; construct infrastructure with high resistant to climate change impact; strengthen and build new facilities to for water supply and drainage in large cities.

- Reinforcing crucial dikes, control salinization in most severely affected regions.

3.3. Development and efficient utilization of resources

3.3.1. Human resources

- Develop and implement training programs to staff, officers, and employees to meet the implementation requirements of the Paris Agreement;

- Xây dựng, triển khai chương trình giảng dạy, cập nhật kiến thức về BĐKH phù hợp với các yêu cầu của Thỏa thuận Paris trong hệ thống giáo dục, đào tạo trong nước;
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris ở Việt Nam.

3.3.2. Nguồn lực công nghệ

- Đánh giá nhu cầu công nghệ thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải KNK phù hợp với điều kiện của Việt Nam đối với một số lĩnh vực; tăng cường hợp tác với Mạng lưới Trung tâm công nghệ khí hậu (CTCN) khu vực và toàn cầu;
- Rà soát, đề xuất các cơ chế chính sách khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về BĐKH; củng cố các cơ quan nghiên cứu về BĐKH đầu ngành; tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, trao đổi công nghệ ứng phó với BĐKH;
- Áp dụng thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với BĐKH có tiềm năng và phù hợp với điều kiện Việt Nam.

3.3.3. Nguồn lực tài chính

- Đánh giá thực trạng đầu tư cho BĐKH và TTX ở Việt Nam để xác định nhu cầu, mức thiếu hụt, mức độ ưu tiên đầu tư từ khu vực công và khu vực tư nhân, các trở ngại cần tháo gỡ để khai thông nguồn đầu tư cho ứng phó với BĐKH từ khu vực nước ngoài và khu vực tư nhân;
- Xây dựng cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực từ mọi đối tượng tham gia đầu tư cho ứng phó với BĐKH, trọng tâm là phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng; xây dựng các văn bản hướng dẫn về tài chính và đầu tư cho BĐKH;
- Xây dựng Khung Huy động nguồn lực cho BĐKH và TTX, bao gồm cả khu vực tư nhân; đẩy nhanh tiến độ xây dựng và áp dụng các công cụ tài chính như trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh;
- Bố trí nguồn lực để xây dựng các thông báo quốc gia định kỳ cho UNFCCC bao gồm kiểm kê quốc gia KNK; báo cáo cập nhật 2 năm một lần, thông báo quốc gia về thích ứng với BĐKH; thông báo quốc gia về BĐKH...
- Đề xuất danh mục các dự án ứng phó với BĐKH và TTX có khả năng huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, bao gồm các dự án ưu tiên triển khai thực hiện các cam kết trong NDC theo các phương thức đầu tư khác nhau để huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân, hỗ trợ quốc tế.

3.4. Thiết lập Hệ thống Công khai, Minh bạch (MRV)

3.4.1. MRV cho giảm nhẹ phát thải KNK

- Thiết lập hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK ở cấp quốc gia và cấp ngành.

- Develop and implement the curriculum to update the knowledge on climate change in line with the requirements of the Paris Agreement in the national education sector;
- Propagate and raise awareness about the Implementation of the Paris Agreement in Vietnam.

3.3.2. Technological resources

- Assess the need for new technologies to adapt to climate change and mitigate GHG emissions consistent with Vietnam's conditions for sectors; strengthen the cooperation with Climate Technology Centre & Network (CTCN) on regional and global level;
- Review and propose mechanisms, policies to encourage research, technology transfer related to climate change; consolidate research agencies in the field of climate change; strengthen international cooperation in research, technology transfer related to climate change;
- Pilot potential technologies to adapt to climate change that are suitable for Vietnam.

3.3.3. Financial resources

- Assess the current situation of investments for climate change and green growth in Vietnam to identify the needs, deficits, investment priorities for the public and private sector; remove barriers to mobilize resources from the foreign and private sector;
- Develop mechanisms and policies to mobilize resources for responding to climate change with the focus on developing renewable energies, energy efficiency; develop guidelines on financing and investing in climate change;
- Develop the Framework to mobilize resources for climate change and green growth, including the participation of private sector; accelerate the development and application of financial tools such as green bonds, green investment funds;
- Allocate resources to develop national periodic reports to UNFCCC including national GHG inventory; report every 02 years national communications on adaptation to climate change; national communications on climate change...
- Propose the list of projects for responding to climate change and green growth that can mobilize the participation of all economic sectors, including prioritized projects to implement the commitments in NDC under different methods to mobilize resources from the private sectors and international support.

3.4. Establishment of Transparency System (MRV)

3.4.1. MRV for mitigation of GHG emissions

- Establish the MRV system for mitigation of GHG emissions at national and sectoral level.

3.4.2. MRV cho thích ứng với biến đổi khí hậu

- Thiết lập hệ thống MRV cho các hoạt động thích ứng với BĐKH ở cấp quốc gia, cấp tỉnh.

3.4.3. MRV cho huy động nguồn lực

- Hướng dẫn giám sát chi tiêu cho ứng phó với BĐKH; thiết lập hệ thống huy động nguồn lực cho BĐKH ở cấp quốc gia và xây dựng hệ thống giám sát chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực.

3.5. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, thể chế

- Xây dựng và hoàn thiện chính sách, thể chế và các quy định liên quan đến giảm nhẹ phát thải KNK, thích ứng với BĐKH phù hợp với các cam kết trong NDC của Việt Nam và theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris;

- Đánh giá thực trạng để điều chỉnh các chính sách, quy định, tích hợp hiệu quả vấn đề BĐKH vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhằm hài hòa giữa ứng phó với BĐKH và phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp và hội nhập quốc tế;

- Tăng cường điều phối, chia sẻ thông tin, xử lý các vấn đề liên vùng, liên ngành và đàm phán quốc tế về BĐKH;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách, phương thức khuyến khích và thu hút đầu tư trong và ngoài nước, huy động thành phần kinh tế tư nhân;

- Tiếp tục hợp tác với các đối tác phát triển trong Chương trình SP-RCC để xây dựng Khung chính sách hàng năm và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

IV. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN VỐN

1. Những hoạt động thuộc Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris đến 2030 cần được triển khai đồng bộ và phù hợp các nội dung về: giảm nhẹ phát thải KNK; thích ứng với BĐKH; tăng cường nguồn lực; công khai, minh bạch; và hoàn thiện chính sách, thể chế.

2. Các Bộ, ngành, địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan có liên quan được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch, chịu trách nhiệm đưa ra các giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện đến năm 2020 và 2030.

3. Giải pháp về nguồn lực:

3.4.2. MRV for adaptation to climate change

- Establish the MRV system for climate change adaptation activities at national and provincial level.

3.4.3. MRV for resource allocation

- Guidelines to monitor the spending for responding to climate change; establish the system to mobilize resources for climate change at the national level and develop a monitoring system for technology transfer and capacity building.

3.5. Development and revision of institutions and policies

- Develop and improve policies, institutions and regulation related to mitigation of GHG emissions, adaptation to climate change in line with the commitment in NDC and as required by the Paris Agreement;

- Assess the current situation to adjust policies, regulations to effectively integrate climate change into socio-economic development plan to harmonize responding to climate change with socio-economic development at all levels and international integration;

- Strengthen coordination, information sharing, handling inter-regional, interdisciplinary issues and international negotiations on climate change;

- Develop mechanisms, policies and methods to encourage and attract domestic and foreign investments; mobilize the participation of the private sector;

- Priority cooperation with SP-RCC development partners to develop the Annual Policy Matrices to submit to the Prime Minister for approval and to implement the Matrices once approved.

IV. CAPITAL SOLUTIONS

1. The activities in the Implementation of the Paris Agreement up to 2030 should be implemented uniformly and relevant to contents in: mitigation of GHG emissions; adaptation to climate change; resource enhancement; transparency system; revision of institutions and policies.

2. Ministries, sectors and localities, People's Committees of provinces and cities and relevant agencies are responsible for leading the implementation of tasks in the Plan, as well as submitting specific solutions for the implementation up to 2020 and 2030.

3. Resource solutions:

a) Việc huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ:

- Nguồn lực cho thực hiện Kế hoạch được huy động từ nhiều kênh khác nhau, tuân thủ Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư và các văn bản pháp luật liên quan khác. Một số kênh huy động gồm: ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương); hỗ trợ quốc tế; nguồn lực của các doanh nghiệp và đóng góp của cộng đồng;

- Những hoạt động thuộc Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris đến 2020 đã được xác định trong các Chương trình mục tiêu thực hiện theo Luật đầu tư công, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan;

- Các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm huy động, quản lý nguồn lực huy động được cho ứng phó với BĐKH theo đúng các định hướng ưu tiên được nêu ra tại Kế hoạch này;

- Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và đầu tư và các Bộ, ngành và địa phương có liên quan: đẩy mạnh vận động các nước, các tổ chức quốc tế và đối tác khác tăng cường hỗ trợ thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải KNK; mở rộng và thúc đẩy hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế và các đối tác khác trong lĩnh vực BĐKH theo hướng đi vào chiều sâu, nhất là đối với các nước đối tác chiến lược và đối tác trong lĩnh vực BĐKH.

b) Việc bố trí nguồn lực:

- Đối với các nhiệm vụ thuộc loại bắt buộc thực hiện: cần tập trung nguồn lực trong nước và hỗ trợ quốc tế để hoàn thành đúng thời hạn.

- Đối với các nhiệm vụ khác:

+ Nhà nước hàng năm cân đối bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, nguồn lực hỗ trợ quốc tế, Chương trình SP-RCC để thực hiện, đặc biệt cho các nhiệm vụ hoàn thiện thể chế, thích ứng với BĐKH và thực hiện các đầu tư cấp bách, không hối tiếc để ứng phó với BĐKH;

+ Nhà nước tạo cơ sở pháp lý khuyến khích các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp đầu tư nguồn lực để thực hiện các hoạt động của Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris.

a) Mobilization and utilization of resources for task implementations:

- The resources for implementation of this Plan are mobilized from multiple channels, in compliance with the Budget Law, Public Investment Law, Investment Law and other related legal documents. Examples of mobilization channels include: direct state budget (both central and local); international support; resources from enterprises; and community contributions.

- The tasks in the Implementation Plan of the Paris Agreement up to 2020 has been identified in the National Target Program implemented under Public Investment Law, Decision No.40/2015/QĐ-TTg dated 14/09/2015 by the Prime Minister promulgating the principles, criteria and norms for allocation of state budget fund for development investment during 2016 – 2020 and related guidance documents;

- Ministries, sectors and localities are responsible for mobilization and management of resources to respond to climate change according to assigned roles and tasks, and directions outlined in this Plan.

- Ministry of Foreign Affairs, Ministry of Finance, Ministry of Natural Resources and Environment, Ministry of Planning and Investment and other related Ministries, sectors and localities: promote adaptation to climate change and mitigation of GHG emissions to countries, international organizations and development partners; expand and enhance the cooperation between countries, international organizations and development partners in the field of climate change especially with strategic partners in the field of climate change.

b) Allocation of resources:

- For compulsory tasks: focus resources within the country and international technical support for timely completion;

- For other tasks:

+ The government prioritizes and allocate appropriate funding from central and local government budgets and international support via the SP-RCC for implementation, especially for tasks regarding completion of institutions, climate change adaptation, and urgent, no-regret investments to respond to climate change;

+ The government establishes the legal basis to encourage financial organizations and enterprises to invest resources to execute the Plan for Implementation of the Paris Agreement.

V. TÁC ĐỘNG CỦA KẾ HOẠCH

5.1. Tác động về kinh tế, xã hội và môi trường

5.1.1. Tác động về kinh tế

- Việc thực hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch này sẽ giúp tăng cường năng lực cho các Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng dân cư chủ động thích ứng với BĐKH và hạn chế thiệt hại kinh tế do BĐKH gây ra;

- Các giải pháp thích ứng đúng đắn sẽ có tác động rất tích cực đến việc giảm tác động bất lợi của BĐKH đến các ngành kinh tế, duy trì hoạt động sản xuất bình thường, tránh rủi ro do thiên tai và đảm bảo các mục tiêu an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an sinh của các cộng đồng;

- Khi thực hiện các giải pháp giảm nhẹ phát thải KNK, các ngành, địa phương, doanh nghiệp có cơ hội thay đổi công nghệ, nâng cao hiệu quả kinh tế, sản xuất bền vững, tăng sức cạnh tranh và mở ra nhiều cơ hội mới trong kinh doanh góp phần giải quyết công ăn, việc làm và phát triển kinh tế - xã hội;

- Các giải pháp giảm nhẹ phát thải KNK trong lĩnh vực năng lượng sẽ khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và năng lượng sinh học, giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch, từ đó bảo đảm an ninh năng lượng, giảm thiểu nhập khẩu năng lượng từ bên ngoài;

- Bảo vệ và phát triển rừng được coi là giải pháp đồng lợi ích vừa giúp tăng cường hấp thu KNK, giảm nhẹ tác động của thiên tai, bảo vệ các công trình sản xuất, từ đó gián tiếp ổn định cuộc sống của người dân và ổn định sản xuất.

5.1.2. Tác động về xã hội

Việc thực hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch sẽ có tác động tích cực về mặt xã hội thông qua:

- Góp phần cùng cộng đồng quốc tế xử lý thấu đáo vấn đề BĐKH, góp phần nâng cao chất lượng sống, an ninh và an toàn cho người dân;

- Góp phần nâng cao công bằng xã hội do luôn chú trọng đến ưu tiên đầu tư cho các vùng và cộng đồng dễ bị tổn thương và luôn quan tâm đến các đối tượng dễ bị tổn thương (như phụ nữ, người nghèo, trẻ em, người già, người dân tộc thiểu số...);

- Góp phần ổn định an ninh, trật tự xã hội cho các cộng đồng do tạo được cuộc sống thích hợp và an toàn ở mọi vùng, mọi nơi cho người dân góp phần hạn chế sự di dân bất đắc dĩ;

- Xây dựng nếp sống văn minh, có ý thức sẵn sàng ứng phó, tương thân, tương ái, hợp tác phòng ngừa, khắc phục khó khăn và hậu quả của BĐKH;

V. IMPACT OF THE IMPLEMENTATION

5.1. Impacts on economy, society and environment

5.1.1. Impacts on the economy

- The complete implementation of this Plan will help to strengthen the capacity of line Ministries, sectors and localities to actively adapt to climate change and limit the economic damage caused by climate change;

- Appropriate adaptation measures will reduce the adverse impact of climate change on the economy, maintain normal production activities, avoid risks caused by natural disasters and ensure food security, water security for communities;

- Tasks to mitigate GHG emissions provide the opportunities for line Ministries, sectors, localities and enterprises to implement new technology, increase economic efficiency, sustainable production, increase competitiveness and create opportunities for employment and socio-economic development;

- The solutions to mitigate GHG mitigations in the energy sector will encourage the development of renewable energy, clean energy and biological energy, reduce the use of fossil fuels, thereby ensuring energy security, decrease energy imports;

- Protect and plant forest is considered a co-benefit solution which enhances GHG absorption, mitigates the impact of natural disasters, and protects manufacturing infrastructures, indirectly help to stabilize the citizen's lives and production.

5.1.2. Impacts on the society

The complete implementation of this Plan will have positive impacts on the society as follows:

- Contribute to the international community to thoroughly handle climate change issues, contribute to the improvement in quality of life, security for the citizens.

- Contribute to improve social justice by always focus on vulnerable communities (women, children, the poor, elderly, minorities...) and regions;

- Contribute to the social stability and security by creating a safe living environment to avoid inevitable resettlement;

- Create a civilized lifestyle, conscious preparedness, solidarity, cooperation to prevent and overcome the impacts of climate change;

- Việc thực hiện các giải pháp giảm nhẹ phát thải KNK sẽ góp phần cải tạo điều kiện lao động, nâng cao năng suất, cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống và sức khỏe cộng đồng.

5.1.3. Tác động về môi trường

- Góp phần cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất, giảm nhẹ BĐKH, giảm nhẹ các tác hại do BĐKH gây ra;

- Kiểm soát được tốc độ tăng phát thải KNK, giảm nhẹ tác động của BĐKH đến môi trường sống của con người như: giảm thiểu ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước mặt và nước ngầm, sản xuất nông nghiệp an toàn và sản xuất công nghiệp sạch hơn, giảm khả năng lây lan bệnh tật và ô nhiễm sau thiên tai;

- Giảm nhẹ tác động của BĐKH đến các hệ sinh thái, duy trì và bảo tồn các sản phẩm và dịch vụ môi trường của hệ sinh thái, giảm thiểu được các thảm họa môi trường sau thiên tai;

- Giảm nhẹ phát thải/tăng cường khả năng hấp thụ KNK sẽ góp phần cải thiện môi trường, giảm ô nhiễm môi trường, bảo vệ đất chống xói mòn, duy trì đa dạng sinh học.

5.2. Tác động về lồng ghép với các chương trình khác

- Việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch này sẽ thúc đẩy việc lồng ghép các hoạt động ứng phó với BĐKH với các chương trình, hoạt động khác, giúp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với ứng phó BĐKH, nâng cao tính ổn định và bền vững, giảm bớt rủi ro do BĐKH của các chương trình, kế hoạch, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội;

- Quá trình lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội khác sẽ tạo điều kiện và cơ hội cho các chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển của các ngành và địa phương có được trình độ cao về công nghệ và hiệu quả kinh tế, giúp tận dụng được các cơ hội trong việc tiếp cận nguồn lực tài chính, công nghệ, tăng cường năng lực do Thỏa thuận Paris mang lại.

VI. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

6.1. Thuận lợi

- Chủ động ứng phó với BĐKH là một trong những vấn đề được toàn bộ hệ thống chính trị của Việt Nam và các đối tác phát triển quốc tế hết sức quan tâm. Nhiều chính sách, chiến lược, chương trình, dự án đã được ban hành và triển khai thực hiện như Luật phòng, chống thiên tai, Luật bảo vệ môi trường, Luật khí tượng thủy văn, Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, Chiến lược quốc gia về BĐKH, Chiến lược TTX, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Chương trình hành động của Chính phủ

- The implementation of GHG emissions mitigation activities will improve the working conditions, productivity, livelihood and public health.

5.1.3. Impacts on the environment

- Contribute to the international community to protect the climate system, mitigate climate change, mitigate the damaged caused by climate change;

- Control the growth of GHG emissions, mitigate the impacts of climate change on the environment, such as reducing air pollution, pollution of surface and underground water; clean agricultural and industrial products; reduce the spread of disease and pollution after natural disasters;

- Mitigate the impact of climate change on ecosystems, maintain and conserve the products, environmental services of the ecosystems, reduce the risk of environmental incidents coming after natural disasters;

- The mitigation of GHG emissions and enhancement of GHG absorption will improve the environment conditions, reduce pollutions, prevent erosion and maintain biodiversity.

5.2. Impacts of the integration with other programs

- The implementation of this Plan will promote the integration of activities to respond to climate change and other programs to combine socio-economic development with responding to climate change, improving stability and sustainability, decreasing the risk of climate change;

- The process of integrating the Implementation of the Paris Agreement with other programs also create opportunities for sectors and localities to utilize advanced technologies and increase economic efficiency by gaining access to financial resources, technology, capacity building.

VI. ADVANTAGES AND DISADVANTAGES OF THE IMPLEMENTATION PLAN

6.1. Advantages of the Implementation Plan

- To actively respond to climate change is one of the highly concerned issues of Vietnam's political system and international development partners. Policies, strategies, programs and projects have been enacted and implemented such as Law on Natural Disaster Prevention and Control, Law on Environmental Protection, Meteorological Law, Law on Economical and Efficient Use of Energy, Vietnam Renewable Energy Development Strategy to 2030, national strategy on climate change and green growth, resolutions of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam to actively respond to climate

thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020;

- Nền kinh tế Việt Nam đã và đang có những bước phát triển vượt bậc, đưa Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình, bảo đảm có thêm nguồn lực để thực hiện an sinh xã hội, phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH;

- Sự nghiệp giáo dục và chăm sóc sức khỏe nhân dân, trợ cấp xã hội đã đạt được những thành tựu đáng kể, góp phần nâng cao nhận thức và khả năng thích ứng của người dân trước thiên tai và BĐKH;

- Các phương án giảm nhẹ phát thải KNK trong NDC là phù hợp với chủ trương của nhà nước, Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030 và kế hoạch của ngành và có triển vọng thu hút đầu tư trong nước và quốc tế;

- Đã có cơ quan chuyên trách thực hiện các phương án bảo vệ và phát triển rừng ở cấp Trung ương và địa phương; Hầu hết các địa phương đều nhận thức được sự cần thiết phải triển khai các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK và sẵn sàng khuyến cáo, chuyển giao cho nông dân để thực hiện; Đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng từ ngân sách ngày càng tăng; Hoạt động trồng rừng nhận được sự quan tâm từ khối tư nhân;

- Đã có các chính sách về quản lý và hỗ trợ xử lý chất thải, phát triển công nghiệp và công nghệ xử lý chất thải, thuế và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải. Nhà nước khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, xây dựng cơ sở xử lý chất thải, các công trình phụ trợ thông qua các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư. Một số đô thị, doanh nghiệp đã đầu tư công trình xử lý chất thải và phân bổ kinh phí cho quản lý chất thải. Một số dự án phân loại rác từ nguồn, thu gom và xử lý chất thải đang được thực hiện. Nguồn tài chính đầu tư đa dạng. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là nguồn đầu tư quan trọng hỗ trợ cho các dự án về xử lý chất thải.

- Kịch bản BĐKH và nước biển dâng đến năm 2100 đã được xây dựng và là cơ sở quan trọng để các Bộ, ngành, địa phương đánh giá tác động của BĐKH, xây dựng kế hoạch ứng phó với thiên tai, BĐKH, nước biển dâng và ngập lụt đô thị;

- Hệ thống giám sát khí tượng thủy văn được trang bị tương đối hiện đại, trải rộng khắp cả nước. Hệ thống này sẽ tiếp tục được nâng cấp, hiện đại hoá nhằm bảo đảm giám sát BĐKH, phục vụ dự báo, cảnh báo thiên tai;

- Có hệ thống phòng chống thiên tai ở các cấp, sẵn sàng ứng phó nhanh chóng với các tình huống; thường xuyên được diễn tập, củng cố, nâng cao năng lực; kinh nghiệm đúc rút từ công tác phòng chống thiên tai có thể tiếp tục được áp dụng trong ứng phó với BĐKH.

change, strengthen natural resources management and protect the environment; action program of the Government to implement the resolution of the National Assembly on the 5-year socio-economic development plan from 2016 to 2020; investment policies for the national target program period of 2016 – 2020.

- Vietnam's economy has been making major improvements, making Vietnam become a middle income country, ensuring additional resources to implement social security, disaster prevention and responding to climate change;

- Education, public health and welfare has made considerable achievements, contribute to raising awareness of natural disasters and climate change;

- The solutions to mitigate GHG emissions stated in NDC is consistent with State's policies, Law on Economical and Efficient Use of Energy, Vietnam Renewable Energy Development Strategy to 2030, sector's planning and is capable of attracting domestic and foreign investments;

- There are existing agencies in charge of the implementing plans to protect and plant forest at central and local level; majority of the localities understand the need to implement mitigation of GHG emissions and willing to recommend, deliver to farmers to carry on the implementation; invest in protection and development of forest; there is increasing interest from the private sector;

- There are existing policies on waste management, development waste treatment technologies, taxes and environment protection charges for waste. The State encourages all organizations and individuals to invest in waste disposal facilities, ancillary works through incentives, investment support. Cities and businesses invested in waste disposal facilities and allocated funds for waste management. Projects in term of waste sorting, collection and treatment are being implemented. The financial resources are diverse with the Vietnam Environment Protection Fund being a crucial source of investment focuses on waste treatment;

- Scenarios of climate change and sea level rise by 2100 has been created and being an important basis for Ministries, sectors and localities to assess the impact of climate change, develop plans to respond to climate change, sea level rise and flood in urban areas;

- The system of hydro-meteorological monitoring is relatively modern, being spread across the country. This system will continue to upgrade to ensure the monitoring of climate change, forecast and provide warning for natural disasters.

6.2. Khó khăn

6.2.1 Đối với các nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải KNK

- Vấn đề đầu tư ban đầu cho giảm nhẹ phát thải KNK là cao; thị trường công nghệ tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo ở Việt Nam còn hạn chế; cơ chế hỗ trợ tài chính hiện có chưa đủ mạnh để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK;

- Chưa có hệ thống MRV về giảm nhẹ phát thải KNK ở cấp quốc gia và cấp ngành; Quy định về tiêu chuẩn công nghệ, dán nhãn thiết bị đã có hiệu lực, song việc thực hiện còn chậm, chưa có quy định chặt chẽ về danh mục dán nhãn cũng như tiêu chuẩn cho các loại thiết bị, máy móc; nhận thức về sử dụng tiết kiệm năng lượng, ứng dụng năng lượng tái tạo, áp dụng các biện pháp canh tác giảm nhẹ phát thải KNK còn hạn chế;

- Việc thực thi các chính sách bảo vệ phát triển rừng còn gặp nhiều khó khăn; nguồn thu nhập từ các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng còn thấp; quy mô của một số phương án trồng rừng kinh doanh gỗ lớn vẫn còn hạn chế; chưa có cơ chế chính sách cụ thể để thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong công tác bảo vệ và phát triển rừng; cơ hội tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi để thực hiện các phương án trồng rừng còn hạn chế;

- Thể chế, chính sách về quản lý và hỗ trợ xử lý chất thải chưa hoàn thiện, còn chồng chéo và chưa được thực thi triệt để; tổ chức quản lý chất thải chưa thống nhất ở cả cấp trung ương và cấp địa phương với mô hình mang tính riêng biệt từng đô thị; đầu tư cho xử lý chất thải còn ít, chưa cân đối và định mức rất thấp.

6.2.2. Đối với các nhiệm vụ thích ứng với BĐKH

- Nhu cầu cho phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH, nước biển dâng và ngập lụt đô thị rất lớn, tuy nhiên nguồn lực quốc gia còn hạn chế và cần cân đối cho các mục tiêu khác nhau, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam vẫn là nước nghèo, tỷ lệ tái nghèo có nguy cơ tăng, nhất là khi có thiên tai xảy ra; tỷ lệ thất nghiệp có nguy cơ tăng cao, đặc biệt là ở khu vực nông thôn;

- Cơ cấu tổ chức của các cơ quan thực hiện công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với BĐKH còn chưa thống nhất từ trung ương đến địa phương, các cán bộ làm công tác này còn hoạt động kiêm nhiệm, do đó cần có cơ chế phối hợp hoàn thiện hơn nữa để nâng cao tính hiệu quả;

- Công tác dự báo, cảnh báo đôi khi còn chưa đảm bảo độ tin cậy và kịp thời, đặc biệt là đối với những diễn biến bất thường và trái quy luật của các thời tiết cực đoan; công tác phòng, chống thiên tai mới chỉ tập trung vào giai đoạn ứng phó sự cố, chưa chú trọng đến hoạt động phòng ngừa; công tác cứu trợ còn chồng chéo; công tác tìm kiếm cứu nạn còn thiếu trang thiết bị chuyên dùng và lực lượng chuyên nghiệp;

6.2. Disadvantages of the Implementation Plan

6.2.1. For the mitigation of GHG emissions

- Initial capital investment is high; the current technologies for energy-saving and renewable energies are limited; mechanisms for financial support are not yet strong enough to encourage the participation of the private sector;

- There is no MRV system for mitigation of GHG emissions at the national and sectoral level; regulations on technology standards, equipment labeling are active but the implementation has been slow, there is no strict rule on the standards of equipments, machineries; limited user awareness of energy-saving and renewable energies.

- The implementation of policies to protect forests faces many difficulties; income from the operation to protect and plant forest is low; the scale of business plans to plant and sell large-sized timber is limited; lack of specific policy to attract the participation of small and medium-sized enterprises to protect and plant forest; access to credit funds to implement forestation is also limited;

- Institutions and policies on waste management are incomplete, overlapping and have not been fully implemented; waste management isn't unified with different models for each cities; investment in waste management is still low and unbalanced.

6.2.2. For the adaptation of climate change

- There is a major need for disaster prevention, adaptation to climate change and sea level rise, flooding in large cities, however, the national resources are limited and need to balance between various targets, especially Vietnam is still a poor country, high risk of falling back into poverty in case of natural disasters; unemployment rate may increase, especially in rural areas;

- The organization structure of the agencies that are implementing prevention and mitigation of natural disasters, responding to climate change is not uniform from the central to local level, the staffs engaged in this field have to hold multiple positions, therefore this requires a complete coordination mechanism to enhance efficiency;

- The forecasting and warning are sometimes not reliable and timely, especially for unexpected, irregular incidents of extreme weather; disaster prevention and control currently focus on emergency response phase, not on prevention activities; relief works are overlapping; search and rescue activities lack specialized equipments and professional forces;

- Các giải pháp thích ứng với BĐKH phần lớn mới tập trung vào các giải pháp công trình như đắp đê, nâng cao cốt nền... Các giải pháp phi công trình như quy hoạch, trồng rừng ngập mặn, trồng cây chắn sóng... tuy đã được quan tâm nhưng vẫn chưa đủ; Phát triển đô thị tuy đã có quy hoạch nhưng quản lý còn nhiều bất cập;

- Thị trường bảo hiểm đã hình thành trong vài năm gần đây nhưng chưa thực sự phát triển, đặc biệt là thị trường bảo hiểm thiên tai và BĐKH do tính rủi ro cao;

- Ý thức cộng đồng trong quản lý thiên tai và thích ứng với BĐKH đã được chú trọng nhưng vẫn còn nhiều hạn chế.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

7.1. Điều hành quản lý, thực hiện Kế hoạch

1. Ủy ban quốc gia về Biến đổi khí hậu chỉ đạo, điều phối, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này;

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban quốc gia về Biến đổi khí hậu và Chính phủ tổ chức triển khai thực hiện, hướng dẫn, giám sát, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này;

3. Văn phòng Ủy ban quốc gia về Biến đổi khí hậu giúp Ủy ban quốc gia về BĐKH nghiên cứu, tổng hợp các Chương trình hành động và báo cáo thực hiện Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương; tiếp nhận các báo cáo giám sát, đánh giá độc lập việc thực hiện các nội dung Kế hoạch từ các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác, định kỳ báo cáo Ủy ban quốc gia về BĐKH;

4. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Phụ lục I của Kế hoạch này, định kỳ báo cáo việc thực hiện gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng Ủy ban quốc gia về BĐKH trước 31 tháng 10 hàng năm.

7.2. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối của Chính phủ và của Ủy ban quốc gia về BĐKH trong việc quản lý và thực hiện Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris, có trách nhiệm:

- Chủ trì, hướng dẫn, phối hợp với các Bộ, ngành và các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan trong quá trình tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, quyết toán ngân sách hằng năm liên quan đến việc triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về khí hậu¹.

1 Điều 29 Luật Ngân sách 83/2015/QH13

- The solutions for adaptation to climate change focus majorly on structural measures such as dykes, raising ground levels... The non-structural measures such as planning, planting mangrove... haven't received enough attention; urban development has planning but still inadequate;

- The insurance market has formed in recent years but has not developed adequately, especially insurance for natural disasters and climate change due to the high risk.

VII. IMPLEMENTATION ARRANGEMENTS

7.1. Executive management and implementation of the Plan

1. National Committee for Climate Change is the agency in charge of giving directions for executing the Plan for Implementation of the Paris Agreement;

2. The Ministry of Natural Resources and Environment is the coordinating agency to assist the National Committee for Climate Change, Government to execute the Plan for Implementation of the Paris Agreement; and to guide, monitor, assess, inspect, and summarize the implementation progress;

3. The Office of the National Committee for Climate Change assists the NCCC to research and summarize the implementation of the Plan by Ministries, sectors and localities; periodically reports on the implementation progress of the Plan;

4. Ministries, sectors, People's Committees of provinces and cities are responsible for leading and cooperating to execute the tasks as determined in Annex I; annual reports on the implementation progress of the Plan to MONRE and NCCC before October 31st.

7.2. Responsibilities of Ministry of Natural Resources and Environment

The Ministry of Natural Resources and Environment is the coordinating agency to assist the National Committee for Climate Change, Government to execute the Plan for Implementation of the Paris Agreement with the following tasks:

- Lead, guide and cooperate with related Ministries, sectors and People's Committees of provinces and cities to execute the Implementation Plan;

- Cooperate with Ministry of Finance and related Ministries, agencies to estimate state budgeting, annual allocation plans for central budget, 5-year financial plan, 3-year state budget plan, annual budget settlement related to implementing the Implementation Plan of the Paris Agreement;

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban quốc gia về BĐKH kết quả thực hiện Kế hoạch, đề xuất giải quyết những phát sinh trong quá trình thực hiện.

7.3. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Xây dựng định kỳ cập nhật, hoàn thiện Kế hoạch thực hiện các nội dung trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ trên cơ sở các NDC cập nhật, ưu tiên của Bộ và nguồn lực huy động được để thực hiện.

- Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan theo các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris được phê duyệt, chủ động huy động thêm các nguồn lực để thực hiện.

Đối với các nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương cần xây dựng đề án, dự án, dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí theo quy định hiện hành. Trong đó, phân định rõ các nhiệm vụ, đề án, dự án thuộc chức năng, nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm bố trí trong dự toán ngân sách được giao hàng năm để thực hiện.

- Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan theo nhiệm vụ được giao, định kỳ trước ngày 31 tháng 10 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris gửi Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Biến đổi khí hậu và Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban Quốc gia về BĐKH và báo cáo Chính phủ.

7.4. Giám sát và đánh giá

Việc giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch được thực hiện ở cấp quốc gia, cấp ngành và địa phương:

- Ở cấp huyện: Phòng TNMT chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá việc triển khai trên địa bàn huyện; định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện để Ủy ban nhân dân Huyện định kỳ báo cáo UBND tỉnh;

- Ở cấp tỉnh: Sở TNMT chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá việc triển khai trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện để UBND tỉnh báo cáo Bộ TNMT và Ủy ban quốc gia về BĐKH;

- Ở cấp ngành: các Bộ, ngành chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá việc triển khai trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện báo cáo Bộ TNMT và Ủy ban quốc gia về BĐKH.

- Ở cấp quốc gia: Bộ TNMT chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá việc thực hiện, định kỳ báo cáo Chính phủ và UBQG về BĐKH;

- Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác tham gia vào việc giám sát, đánh giá độc lập việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

- Periodically aggregate and report to the Prime Minister and the National Committee on Climate Change the results of the implementation process, proposal to resolve problems arising in the course of implementation.

7.3. Responsibilities of related Ministries, sectors and localities

- The Ministry of Agriculture and Rural Development, Ministry of Industry and Trade, the Ministry of Transport and Construction Ministry periodically update, complete implementation plans for the related tasks in NDC on the basis of the updated NDC, priorities of the Ministry and mobilized resources.

- Ministries, localities and related agencies actively mobilize resources for implementation.

- Pursuant to the approved Plan for Implementation of the Paris Agreement, Ministries, sectors, localities and relevant agencies act in accordance with their assigned tasks to develop schemes, projects, cost estimates to submit to authorized agencies for approval as basis to determine and allocate funds according to current regulations. Among these tasks, schemes and projects, determine those of regular responsibilities, which must be included in the annual budget estimates to implement.

- Ministries, sectors, localities and relevant agencies act in accordance with their assigned tasks to periodically report their implementation progress of the Paris Agreement to the Office of National Committee for Climate Change and Ministry of Natural Resources and Environment to synthesize NCCC report and Government report by October 31st each year.

7.4. Monitoring and evaluation

The monitoring and evaluation of the Implementation Plan are to be performed at national, sectoral and local levels:

- At the district level: Division of Natural Resources and Environment is responsible for monitoring, evaluating the implementation in the district; periodically report to the District People's Committee and submit to the Provincial People's Committee;

- At the provincial level: Department of Natural Resources and Environment is responsible for monitoring, evaluating the implementation in the district; periodically report to the Provincial People's Committee and submit to Ministry of Natural Resources and Environment, National Committee for Climate Change;

- At the sectoral level: Ministries and sectors are responsible for monitoring, evaluating the implementation of assigned tasks; periodically report to Ministry of Natural Resources and Environment, National Committee for Climate Change;

- At the national level: Ministry of Natural Resources and Environment is responsible for monitoring, evaluating the implementation and periodically report to the Government and National Committee for Climate Change;

- Encourage political, social organizations to participate in monitoring and evaluating the implements of the Plan's contents.

VIII. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

8.1. Các cơ chế chính sách cần ban hành

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động nặng nề của BĐKH, vì vậy để tồn tại và phát triển, Việt Nam phải chủ động thích ứng với BĐKH. Việc giảm nhẹ phát thải KNK từ trước đến nay chỉ thực hiện mang tính tự nguyện khi hoạt động này mang lại lợi ích kinh tế hoặc/và khi có hỗ trợ của quốc tế.

Khi tham gia Thỏa thuận Paris, việc giảm nhẹ phát thải KNK và thích ứng với BĐKH còn có thêm chức năng thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam cùng cộng đồng quốc tế ứng phó với BĐKH. Các hoạt động này mang tính ràng buộc pháp lý, chịu sự giám sát, kiểm tra của cộng đồng quốc tế và do đó đòi hỏi phải có các công cụ pháp lý phù hợp để triển khai thực hiện.

Trước mắt từ nay đến 2020, cần khẩn trương xây dựng và thực hiện Nghị định của Chính phủ quy định lộ trình và phương thức để Việt Nam tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính toàn cầu như quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, trong đó xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính để thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam, đồng thời chỉ ra các phương thức đo đạc, báo cáo, thẩm tra các nỗ lực giảm nhẹ này.

Từ 2020 trở đi, tính ràng buộc pháp lý sẽ phải được triển khai rộng rãi không chỉ đối với giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, mà còn đối với các hoạt động thích ứng với BĐKH, phát triển nguồn nhân lực, phát triển và chuyển giao công nghệ và huy động hỗ trợ tài chính cho ứng phó với BĐKH cũng sẽ được kiểm tra, giám sát theo quy định quốc tế. Để thực hiện được công việc này đòi hỏi phải xây dựng Luật BĐKH và triển khai từ năm 2020 trở đi.

8.2. Các đề xuất khác

Ứng phó với BĐKH là nhiệm vụ lâu dài, liên tục và là trách nhiệm của toàn thể hệ thống chính trị, vì sự sống còn và phát triển bền vững của đất nước. Vì vậy cần nhận được sự quyết tâm của mọi cấp, mọi ngành:

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về Thỏa thuận Paris và triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, Nghị Quyết số 08/NQ-CP; rà soát, xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về BĐKH và TTX để tiếp tục nâng cao nhận thức, ý thức, tạo cơ sở pháp lý đề xuất, triển khai hiệu quả hoạt động ứng phó với BĐKH thời gian tới.

- Tiếp tục bám sát, quán triệt và thực hiện các Chiến lược, Kế hoạch Quốc gia về BĐKH và TTX đảm bảo công tác ứng phó với BĐKH có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với tình hình quốc tế, bối cảnh quốc gia.

VIII. PROPOSALS AND RECOMMENDATIONS

8.1. Policies and mechanisms to be issued

Being of one of the countries heavily impacted by climate change, Vietnam needs to actively adapt to climate change. Up to this point, mitigation of GHG emissions was voluntary only with economic benefits or international support.

With the Paris Agreement, the mitigation of GHG emissions and adaptation to climate change will be commitments of Vietnam and the international community. These activities are legally binding, subjected to the supervision and inspection by the international community; therefore, they require legal instruments to implement.

From now to 2020, there should be urgent development and implementation of the Government's Decree prescribed roadmap and methods for Vietnam to participate in global mitigation of GHG emissions as stipulated in Environment Protection Law, which defines the responsibilities of organizations, individuals in mitigation of GHG emissions in NDC, and indicate the methods of measurement, reporting, verification for these mitigating efforts.

From 2020 onwards, legally binding will be widely deployed not only for mitigation of GHG emissions but also for adaptation to climate change, capacity building, technology research and transfer, financial mobilization to respond to climate change and will be inspected, monitoring in accordance with international regulations. To accomplish these tasks requires the development and implementation of Law on Climate Change from 2020 onwards.

8.2. Other proposals

Responding to climate change is a long-term, continuous task and is the responsibility of the entire political system which impact the survival and sustainable development of the country. As a result, it requires full commitment from all levels, all sectors:

- Continue to promote the Paris Agreement and implement Resolution No.24/NQ/TW, Resolution No. 08/NQ-CP; review, develop and complete legal documents related to climate change, green growth to continue raising awareness, creating a legal basis to propose, implement activities to respond to climate change in the near future;

- Continue to closely monitor, implement the National Strategy on climate change, green growth to ensure effective response to climate change, fit the international and national context;

- Đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế, tích cực tham gia chủ động vào đàm phán quốc tế về BĐKH; xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực ứng phó với BĐKH từ khối tư nhân, thiết chế tài chính mới về BĐKH; xây dựng và thực hiện Chương trình Hỗ trợ ứng phó với BĐKH (SP-RCC) giai đoạn 2016 - 2020 hiệu quả để Chương trình tiếp tục là kênh huy động nguồn lực quan trọng hỗ trợ ứng phó với BĐKH trong nước.

- Tập trung tổng kết, đánh giá Chương trình, Dự án quan trọng đã được phê duyệt theo kế hoạch, để rút ra bài học kinh nghiệm, nhân rộng mô hình hiệu quả và có điều chỉnh tạo thuận lợi cho giám sát, đánh giá theo quy định quốc tế;

- Tiếp tục thúc đẩy nghiên cứu Khoa học – Công nghệ ứng phó với BĐKH, thúc đẩy TTX. Đẩy mạnh việc rà soát, chọn lọc, phân loại và đánh giá những kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu để tiếp tục xác định các kết quả có thể áp dụng và định hướng áp dụng các công nghệ thân thiện với khí hậu, giảm nhẹ phát thải KNK ở Việt Nam.

- Promote international cooperation, actively participate in international negotiations on climate change; develop mechanisms and policies to mobilize resources from the private sector, new financial institutions on climate change; develop and implement the Support Program to Respond to Climate Change (SP-RCC) period of 2016 – 2020 as an effective channel to mobilize resources to respond to climate change;

- Review and evaluate important approved Programs, Projects under the Plan to draw lessons, deploy on a large scale and adjust to facilitate effective monitoring and evaluation according to international regulations;

- Continue to promote science and technology researches in the field of climate change, promoting green growth. Focus on reviewing, selecting and classification of accepted research results that could be applied, oriented for climate-friendly technologies and mitigation of GHG emissions.

PHỤ LỤC: CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN THỎA THUẬN PARIS VỀ KHÍ HẬU

I. NHIỆM VỤ GIẢM NHỆ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

1.1 Các nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2016 - 2020

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ/ năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/ cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
1	Rà soát các quy định hiện hành và xây dựng Nghị định quy định lộ trình và phương thức để Việt Nam tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK toàn cầu. 2018	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và Điều 48 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014.	Bộ TNMT.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
2	Xây dựng, bổ sung, sửa đổi chính sách khuyến khích phát triển năng lượng mặt trời, năng lượng gió; xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động phát triển năng lượng tái tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. 2017	UÙ TIÊN, tiếp tục thực hiện vì phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành.	Bộ CT, Bộ TNMT.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

ANNEX I: TASKS TO IMPLEMENT THE PARIS AGREEMENT

I. MITIGATION OF GREENHOUSE GAS EMISSIONS

1.1. Tasks with high priority during 2016 - 2020

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
1	Review existing regulations and develop a Decree on the roadmap and modality for Viet Nam's participation in global GHG emission mitigation; 2018	COMPULSORY as required by the Paris Agreement and Article 48 of the 2014 Law on Environmental Protection	MONRE	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
2	Develop policies to encourage development of solar energy, wind energy projects; Implement action plan of the renewable energy development project to 2030, with outlook to 2050; 2017	PRIORITY continuation based on relevance to the Paris Agreement and other laws, policies	MOIT, MONRE	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ/ năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/ cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
3	Thực hiện kiểm kê KNK định kỳ cho năm cơ sở 2014, 2016, 2018 và đánh giá nỗ lực của Việt Nam trong giảm nhẹ phát thải KNK để cập nhật NDC và tham gia đánh giá nỗ lực toàn cầu vào năm 2018, 2016, 2018, 2020	BẮT BUỘC theo yêu cầu COP21 và thực hiện Khoản 2 điều 41 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014.	Bộ TNMT, KHĐT, Các Bộ: CT, GT, XD, NNPTNT và các đơn vị có liên quan.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
4	Xây dựng và thực hiện các đề xuất giảm nhẹ phát thải KNK và TTX phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) cho lĩnh vực công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn.	UỖ TIÊN TIẾP tục thực hiện vì phù hợp Thỏa thuận Paris và các Luật, chính sách hiện hành.	Các Bộ: CT, GTVT, XD, NNPTNT, UBND tỉnh, t.phố chủ trì theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Bộ TNMT và các bộ, ngành, doanh nghiệp liên quan để triển khai.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
5	Xây dựng và phát triển thị trường các-bon trong nước và các cơ chế hợp tác khác về giảm nhẹ phát thải KNK theo Điều 6 của Thỏa thuận Paris. Thực hiện thí điểm trong các lĩnh vực có tiềm năng. 2018	UỖ TIÊN ĐỂ chuẩn bị thực hiện NDC giai đoạn sau 2020 và huy động nguồn hỗ trợ quốc tế.	Bộ TNMT, Bộ TC, Bộ KHĐT, Bộ GTVT, Bộ CT, Bộ NNPTNT, Bộ XD.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
3	Implement GHG inventory and <i>periodic assessment of Viet Nam's efforts in mitigation of GHG emissions to update NDC and take stock of the global efforts</i> in 2018; 2016, 2018, 2020	COMPULSORY as required by the Paris Agreement;	MONRE, MPI, MOIT, MOT, MOC, MARD and relevant ministries, sectors, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
4	Prepare proposals for GHG emission mitigation and GG appropriate to national conditions in the transportation, industrial, construction, agricultural sector	PRIORITY continuation based on relevance to the Paris Agreement and other laws, policies	MOIT, MOT, MOC, MARD, People's Committees	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
5	Develop a carbon market within the country and provide guidelines to implement "a mechanism to contribute to the mitigation of greenhouse gas emissions and support sustainable development" pursuant to Article 6 in the Paris Agreement; Pilot in potential sectors 2018	PRIORITY initiation to prepare for fulfillment of Viet Nam's commitments in the INDC post-2020 and to mobilize international support.	MONRE, MOF, MPI, MOT, MOIT, MARD, MOC	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ/ năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/ cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
6	Thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK của ngành công thương nhằm thực hiện NDC. 2020	KHUYẾN KHÍCH thực hiện để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại.	Bộ Công Thương.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
7	Thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK của ngành giao thông vận tải nhằm thực hiện NDC. 2020	KHUYẾN KHÍCH thực hiện để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại.	Bộ Giao thông vận tải.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
8	Thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK của ngành xây dựng nhằm thực hiện NDC. 2020	KHUYẾN KHÍCH thực để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại.	Bộ Xây dựng.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
9	Thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm thực hiện NDC. 2020	KHUYẾN KHÍCH thực hiện để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại.	Bộ NNPTNT	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
6	Implementation of mitigation of GHG emissions activities in industrial sector as listed in NDC 2020	ENCOURAGE to utilize the opportunities presented by the Paris Agreement	MOIT	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
7	Implementation of mitigation of GHG emissions activities in transportation sector as listed in NDC 2020	ENCOURAGE to utilize the opportunities presented by the Paris Agreement	MOT	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
8	Implementation of mitigation of GHG emissions activities in construction sector as listed in NDC 2020	ENCOURAGE to utilize the opportunities presented by the Paris Agreement	MOC	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
9	Implementation of mitigation of GHG emissions activities in agricultural sector as listed in NDC 2020	ENCOURAGE to utilize the opportunities presented by the Paris Agreement	MARD	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ/ năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/ cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
10	Thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK khác phù hợp với điều kiện quốc gia. 2020	KHUYẾN KHÍCH thực hiện để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại.	Các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

1.2 Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021 - 2030

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ /mức độ ưu tiên/ năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
11	Thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK ngành công nghiệp nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu năm định kỳ . 2025, 2030	BẮT BUỘC thực hiện theo quy định của Thỏa thuận Paris.	Bộ Công Thương, doanh nghiệp.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
12	Thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK ngành giao thông vận tải nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ . 2025, 2030	BẮT BUỘC thực hiện theo quy định của Thỏa thuận Paris.	Bộ Giao thông vận tải.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
10	Implementation of mitigation of GHG emissions activities appropriate to the national conditions 2020	ENCOURAGE to utilize the opportunities presented by the Paris Agreement	Ministries, sectors, localities and enterprises	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

1.2. Tasks with high priority during 2021 – 2030

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
11	Implementation of activities for GHG emission mitigation and green growth in the industrial sector appropriate to national conditions based on the evaluation of global efforts in 2023 and 2028 2025, 2030	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MOIT and relevant enterprises	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
12	Implementation of activities for GHG emission mitigation and green growth in the transportation sector appropriate to national conditions based on the evaluation of global efforts in 2023 and 2028 2025, 2030	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MOT	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ /mức độ ưu tiên/ năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
13	Thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK ngành xây dựng nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ . 2025, 2030	BẮT BUỘC thực hiện theo quy định của Thỏa thuận Paris.	Bộ Xây dựng.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
14	Thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ. 2025, 2030	BẮT BUỘC thực hiện theo quy định của Thỏa thuận Paris.	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
15	Thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK khác phù hợp với điều kiện quốc gia. 2030	KHUYẾN KHÍCH thực hiện để tận dụng cơ hội do Thỏa thuận Paris mang lại.	Các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
16	Thực hiện kiểm kê KNK phục vụ xây dựng các báo cáo quốc gia theo quy định của Thỏa thuận Paris và đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ. 2022, 2024, 2026, 2028, 2030	BẮT BUỘC thực hiện theo quy định của Thỏa thuận Paris.	Bộ TNMT.	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
13	Implementation of activities for GHG emission mitigation and green growth in the construction sector appropriate to national conditions based on the evaluation of global efforts in 2023 and 2028 2025, 2030	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MARD	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
14	Implementation of activities for GHG emission mitigation and green growth in the agricultural sector appropriate to national conditions based on the evaluation of global efforts in 2023 and 2028 2025, 2030	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MARD	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
15	Implement activities in GHG emission mitigation and GG appropriate to national conditions 2030	ENCOURAGE to utilize the opportunities presented by the Paris Agreement	All ministries, sectors, localities, and enterprises	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
16	Implement GHG inventory for national reports under the provisions of the Paris Agreement and periodic evaluation of global efforts 2022, 2024, 2026, 2028, 2030	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MONRE	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

II. NHIỆM VỤ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

2.1. Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2016 - 2020

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
17	Xây dựng kế hoạch thích ứng quốc gia (NAP). 2017	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris.	Bộ TNMT, NN&PT-NT, KHĐT, TC, XD, địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
18	Cập nhật đóng góp về thích ứng với BĐKH trong NDC phục vụ đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ. 2018	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris.	Bộ TNMT, NNPT-NT, các Bộ, ngành, địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
19	Đánh giá mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương do BĐKH xác định nhu cầu thích ứng và nhu cầu giải quyết các vấn đề liên quan tới tổn thất và thiệt hại. 2020	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và Điều 17 Luật phòng, chống thiên tai.	Bộ TNMT, NNPT-NT, YT, LĐTĐ, TC, CA, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam, các cơ quan bảo hiểm.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

II. ADAPTATION TO CLIMATE CHANGE

2.1. Tasks with high priority during 2016 - 2020

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
17	Develop National Adaptation Plan (NAP); 2017	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MONRE, MARD, MPI, MOF, MOC, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
18	Update the contribution to climate change adaptation in the NDC for the periodic evaluation of global efforts; 2018	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MONRE, MARD, other ministries and localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
19	Assess risks and vulnerability, determine adaptation needs and needs to address loss and damage (L&D) issues; 2020	COMPULSORY as required by the Paris Agreement, Article 17 of Law on Natural Disaster Prevention and Control	MONRE, MARD, MOH, MOLISA, MOF, MPS, VASI and insurance agencies	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
20	Rà soát thông tin, dữ liệu hiện có về thích ứng với BĐKH, tổn thất và thiệt hại; đề xuất thông tin, nghiên cứu bổ sung và phương thức quản lý, chia sẻ dữ liệu tạo thuận lợi cho xây dựng, cập nhật các báo cáo đóng góp của quốc gia về thích ứng với BĐKH. 2019	UỶ TIÊN thực hiện.	Bộ TNMT, NNPT-NT, Tài chính, các Bộ, ngành, địa phương cơ quan bảo hiểm.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
21	Thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và TTX. 2020	UỶ TIÊN đã được xác định trong Nghị quyết 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ.	Bộ TNMT, KHĐT, TC, NNPTNT, GTVT, CT, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Tổng vốn: 15.866 tỷ đồng, trong đó: - Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương: 470 tỷ đồng. - Vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương: 396 tỷ đồng. - Vốn ODA: 15.000 tỷ đồng.

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
20	Review available information and data on adaptation and loss and damage, propose additional information, research and data management and sharing methods appropriate to the Paris Agreement; 2019	PRIORITY implementation	MONRE, MARD, other ministries, sectors, localities, insurance agencies	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
21	Implement National Target Program to Respond to Climate Change, Green Growth 2020	PRIORITY as identified in Resolution No.73/NQ-CP dated 26/08/2016 by the Government	MONRE, MPI, MOF, MARD, MOT, MOIT, People's Committees	Total capital: 15.866 billion, of which: - Capital for investment and development from the central budget: 470 billion. - Non-business capital from the central budget: 396 billion. - ODA: 15.000 billion.

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
22	Thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững. 2020	ƯU TIÊN đã được xác định trong Nghị quyết 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ.	Bộ NNPTNT, KHĐT, TC, các bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Tổng vốn: 49.248 tỷ đồng, trong đó: - Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương: 9.656 tỷ đồng. - Vốn ODA: 40 tỷ đồng. - Vốn huy động hợp pháp khác: 39.552 tỷ đồng.
23	Thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững. 2020	ƯU TIÊN đã được xác định trong Nghị quyết 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ.	Bộ NNPTNT, KHĐT, TC, TNMT, các bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Tổng vốn: 59.599 tỷ đồng, trong đó: - Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương: 9.460 tỷ đồng. - Vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương: 5.115 tỷ đồng. - Vốn ODA: 6.800 tỷ đồng. - Vốn huy động hợp pháp khác: 38.224 tỷ đồng.

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
22	Implement National Target Program on Sustainable Development of Fishery 2020	PRIORITY as identified in Resolution No.73/NQ-CP dated 26/08/2016 by the Government	MARD, MPI, MOF, other ministries, sectors and People's Committees	Total capital: 49.248 billion, of which: - Capital for investment and development from the central budget: 9.656 billion. - Non-business capital from the central budget: 39.552 billion. - ODA: 40 billion.
23	Implement National Target Program on Sustainable Development of Forestry 2020	PRIORITY as identified in Resolution No.73/NQ-CP dated 26/08/2016 by the Government	MARD, MPI, MOF, other ministries, sectors and People's Committees	Total capital: 59.599 billion, of which: - Capital for investment and development from the central budget: 9.460 billion. - Non-business capital from the central budget: 5.115 billion. - ODA: 6.800 billion. - Other legal capitals: 38.224 billion

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
24	Thực hiện Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư. 2020	ƯU TIÊN đã được xác định trong Nghị quyết 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ.	Bộ NNPTNT, KHĐT, TC, các bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Tổng vốn: 529.935 tỷ đồng, trong đó: - Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương: 24.375 tỷ đồng. - Vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương: 560 tỷ đồng. - Vốn ODA: 6.458 tỷ đồng. - Vốn huy động hợp pháp khác: 498.542 tỷ đồng.
25	Thực hiện các hoạt động khác về thích ứng với BĐKH nhằm tăng khả năng chống chịu, bảo vệ cuộc sống và sinh kế cho người dân, tạo điều kiện để có đóng góp lớn hơn trong giảm nhẹ phát thải KNK 2020	KHUYẾN KHÍCH thực hiện các dự án đã được phê duyệt; đã bảo đảm được nguồn lực hoặc để triển khai các nội dung Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 và Nghị quyết 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ nhưng chưa được đề cập trong các nhiệm vụ từ 17 đến 24	Bộ TNMT, KHĐT, TC, các Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Ngân sách nhà nước : <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
24	Implement National Target Program on Agricultural Restructuring, prevent and control natural disasters, stabilize the people's lives 2020	PRIORITY as identified in Resolution No.73/NQ-CP dated 26/08/2016 by the Government	MARD, MPI, MOF, other ministries, sectors and People's Committees	Total capital: 529.935 billion, of which: - Capital for investment and development from the central budget: 24.375 billion. - Non-business capital from the central budget: 560 billion. - ODA: 6.458 billion. - Other legal capitals: 498.542 billion
25	Implement other activities related to adaptation to climate change to improve resilience, protect people's livelihood, establish a basis for further contribution to the mitigation of GHG emissions 2020	ENCOURAGE implementation of approved projects that secured resources or deploy the contents of Resolution No. 63/NQ-CP dated 22/07/2016 and Resolution No.73/NQ-CP dated 26/08/2016 by the Government but not included in Task No.17 - 24	MARD, MPI, MOF, other ministries, sectors and People's Committees	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

2.2. Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021 - 2030

2.2. Tasks with high priority during 2021 – 2030

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
26	Hiện đại hóa hệ thống quan trắc và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn, bảo đảm dự báo và cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết; xây dựng hệ thống đánh giá và giám sát BĐKH và nước biển dâng. Thực hiện cho cả giai đoạn	UÛ TIÊN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Bộ TNMT	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
27	Hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng và dân sinh phù hợp với bối cảnh BĐKH. Thực hiện cho cả giai đoạn	UÛ TIÊN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Bộ Xây dựng, các địa phương	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
28	Xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch dân cư, cơ sở hạ tầng dựa trên kịch bản BĐKH có chú trọng đến các ngành và vùng trọng điểm. Thực hiện cho cả giai đoạn	UÛ TIÊN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Bộ KHĐT, các Bộ, ngành, địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
26	Modernize meteorological monitoring systems and forecast technology to ensure early forecast and alert of extreme weather and climate phenomena and natural disasters; develop systems to assess and monitor climate change and sea level rise;	PRIORITY continuation of adaptation commitments in the INDC, the National Strategy on Climate Change	MONRE	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
27	Complete technical guidelines and standards for infrastructures, public works and welfares suitable for the context of climate change;	PRIORITY continuation of adaptation commitments in the INDC, the National Strategy on Climate Change	MOC and localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
28	Socio-economic development planning, sectoral planning based on climate change scenarios with focus on key sectors and regions;	PRIORITY continuation of adaptation commitments in the INDC, the National Strategy on Climate Change	MPI, other ministries, sectors, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
29	Triển khai các phương án và giải pháp, công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách nhằm bảo vệ đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất. Thực hiện cho cả giai đoạn	UՄ TIÊN tiếp tục thực hiện Luật phòng chống thiên tai, Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Bộ NNPTNT, TNMT, Công an, Quốc phòng, các địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
30	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông; bảo đảm an toàn hồ chứa; tăng cường hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề nước xuyên biên giới; đảm bảo an ninh nguồn nước. Thực hiện cho cả giai đoạn	UՄ TIÊN tiếp tục thực hiện Luật Tài nguyên nước, Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Bộ TNMT, NNPT-NT, NG, Công An, các Bộ, ngành, địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
29	Implement plans and solutions to prevent natural disasters, protect lives of people, and ensure national defense and security; relocation and rearrangement of residential areas frequently affected by typhoons, floods, erosion of riverbanks and seashores, or in risk of flash floods, landslides;	PRIORITY continuation of adaptation commitments in the INDC, the National Strategy on Climate Change	MARD, MONRE, MOD, MPS, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
30	Integrated management of river basin water resources; ensure reservoir safety; enhance international cooperation in handling trans-border issues; ensure water source security;	PRIORITY continuation of Law on Water Resource, the National Strategy on Climate Change and adaptation commitments in the INDC;	MONRE, MARD, MOFA, MPS, other ministries, sectors, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
31	Quản lý rừng bền vững, ngăn chặn mất rừng và suy thoái rừng; trồng, bảo vệ, phục hồi rừng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn, rừng ven biển. Thực hiện cho cả giai đoạn	U՛U TI՛EN tiếp tục thực hiện Luật phòng chống thiên tai, Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Bộ NNPTNT, các địa phương, doanh nghiệp	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
32	Đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tạo giống mới thích ứng với BĐKH; hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh. Thực hiện cho cả giai đoạn	U՛U TI՛EN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Bộ NNPTNT, TNMT, các địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
33	Rà soát, điều chỉnh và phát triển sinh kế và quá trình sản xuất phù hợp với điều kiện BĐKH gắn với xóa đói giảm nghèo, công bằng xã hội. Thực hiện cho cả giai đoạn	U՛U TI՛EN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Bộ NNPTNT, TNMT, L՛T B X H, các địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
31	Sustainable forest development; prevent forest loss and degradation; plant and restore forests, with focus on big lumber plantations, coastal forests	PRIORITY continuation of Law on Natural Disaster Prevention and Control, the National Strategy on Climate Change and adaptation commitments in the INDC;	MARD, localities, enterprises	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
32	Ensure food security through appropriate protection and maintenance, and sustainable management of agricultural land; restructure crop and livestock; create new breeds that adapt to climate change; improve disease control and prevention system;	PRIORITY continuation of the National Strategy on Climate Change and adaptation commitments in the INDC;	MARD, MONRE, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
33	Review, adjust and develop livelihoods and production process suitable for climate change conditions, in line with poverty eradication and social equity;	PRIORITY continuation of the National Strategy on Climate Change and adaptation commitments in the INDC;	MARD, MONRE MOLISA, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
34	Xây dựng các cơ chế, chính sách, tăng cường hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro khí hậu và thiên tai. Thực hiện cho cả giai đoạn	UÙ TIÊN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong INDC.	Bộ Tài chính, NNPTNT, doanh nghiệp.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
35	Thực hiện lồng ghép thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng, thông qua phát triển dịch vụ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng kiến thức bản địa, ưu tiên cộng đồng dễ bị tổn thương nhất. Thực hiện cho cả giai đoạn	UÙ TIÊN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
36	Quy hoạch đô thị và sử dụng đất, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo trên cơ sở kịch bản nước biển dâng; thực hiện quản lý tổng hợp dải ven bờ. Thực hiện cho cả giai đoạn	UÙ TIÊN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Các Bộ XD, KHĐT, TNMT, Công An chủ trì theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với các địa phương, doanh nghiệp.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
34	Develop institutions, policies to enhance insurance and risk sharing systems for climate risks and natural disasters;	PRIORITY continuation of the National Strategy on Climate Change and adaptation commitments in the INDC;	MOF, MARD and enterprises	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
35	Adaptation based on ecosystems and communities with the development of eco-service systems, conservation of biological diversity, usage of local knowledge, prioritize most vulnerable communities;	PRIORITY continuation of the National Strategy on Climate Change and adaptation commitments in the INDC;	Ministries, sectors, localities, other organizations	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
36	Planning of urban areas and land use, infrastructure, industrial parks and resettlement areas in accordance with rising sea level scenarios; Integrated coastal management	PRIORITY continuation of the National Strategy on Climate Change and adaptation commitments in the INDC;	MOC, MPI, MONRE, MPS, localities and enterprises	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
37	Chống ngập cho các thành phố lớn ven biển; xây dựng các cơ sở hạ tầng đô thị chống chịu với tác động của BĐKH; củng cố và xây mới các công trình cấp, thoát nước đô thị lớn. Thực hiện cho cả giai đoạn	UÙ TIÊN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Bộ Xây dựng, các thành phố, địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>
38	Củng cố, nâng cấp và hoàn thiện các tuyến đê biển, đê sông xung yếu; kiểm soát xâm nhập mặn các vùng bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Thực hiện cho cả giai đoạn	UÙ TIÊN tiếp tục thực hiện Luật phòng, chống thiên tai, Chiến lược quốc gia về BĐKH và đóng góp về thích ứng trong NDC.	Bộ NNPTNT, các địa phương ven biển.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input checked="" type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
37	Prevent flooding in large coastal cities; build infrastructure resilient to climate change impacts; strengthen and build new water supply and drainage systems;	PRIORITY continuation of the National Strategy on Climate Change and adaptation commitments in the INDC;	MOC, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>
38	Strengthen, upgrade and complete vulnerable river and coastal dykes; Control of salinization in most heavily impacted regions.	PRIORITY continuation of adaptation commitments in the INDC, the National Strategy on Climate Change, Law on Natural Disaster Prevention and Control	MARD, coastal provinces	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input checked="" type="checkbox"/>

III. NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ NGUỒN LỰC

3.1. Chuẩn bị nguồn lực con người

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
39	Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo lại cán bộ, viên chức, người lao động đáp ứng nhu cầu thực hiện Thỏa thuận Paris. 2017	ƯU TIÊN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH.	Bộ Nội vụ, TNMT, các Bộ, ngành, địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
40	Xây dựng, triển khai chương trình giảng dạy về BĐKH phù hợp với các yêu cầu của Thỏa thuận Paris trong hệ thống giáo dục, đào tạo trong nước. 2018	ƯU TIÊN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH.	Bộ GDĐT, các Viện nghiên cứu, các trường.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
41	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Thỏa thuận Paris ở Việt Nam. Thực hiện cho cả giai đoạn	ƯU TIÊN tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH	Bộ Thông tin và truyền thông, TNMT, các Bộ, ngành, địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

III. PREPARATION OF RESOURCES

3.1. Preparation of human resources

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
39	Develop and implement programs to retrain officials, staff, and labourers to meet the requirements of the Paris Agreement; 2017	PRIORITY continuation on the National Strategy on Climate Change	MONRE, other ministries, sectors, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
40	Develop and implement curricula to educate and update knowledge on climate change, in line with the Paris Agreement's requirements on the education and training system within the country; 2018	PRIORITY continuation based on the National Strategy on Climate Change	MOET, research institutes	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
41	Advocate and raise awareness on the Paris Agreement in Viet Nam, with focus on mitigation of GHG emissions;	PRIORITY continuation based on the National Strategy on Climate Change	MIC, MONRE, other ministries, sectors, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

3.2. Chuẩn bị nguồn lực công nghệ

3.2. Preparation of technological resources

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
42	Đánh giá nhu cầu công nghệ thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải KNK phù hợp với điều kiện của Việt Nam đối với một số lĩnh vực; tăng cường hợp tác với Mạng lưới Trung tâm công nghệ khí hậu (CTCN) khu vực và toàn cầu. 2019	UÙ TIÊN thực hiện để có tổng quan về nhu cầu công nghệ ứng phó với BĐKH.	Bộ KHCN, TNMT, các Bộ, ngành.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
43	Rà soát, đề xuất các cơ chế chính sách khuyến khích nghiên cứu, chuyên giao công nghệ về BĐKH; củng cố các cơ quan nghiên cứu về BĐKH đầu ngành; tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, trao đổi công nghệ. 2020	UÙ TIÊN thực hiện.	Bộ KHCN, TNMT, Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, cơ quan nghiên cứu, VPCC, UBQG-BĐKH.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
44	Áp dụng thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với BĐKH có tiềm năng và phù hợp với điều kiện Việt Nam. 2019	UÙ TIÊN thực hiện.	Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
42	Assess needs for climate change response and mitigation of GHG emissions technologies as appropriate to Viet Nam's conditions in each sector; enhance cooperation with regional and global Climate Technology Centre & Network (CTCN); 2019	PRIORITY implementation to get a full picture of adaptation technologies for climate change	MOST, MONRE, other ministries, sectors	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
43	Review and complete mechanisms and policies to encourage research and transfer of climate change technologies; strengthen leading research institutions on adaptation; enhance international cooperation on research and exchange of adaptation technologies; 2020	PRIORITY implementation	MOST, MONRE, other ministries, sectors, localities, enterprises, research institutes, the Government Office, NCCC	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
44	Pilot implementation of technologies to respond to climate change that have potential and are appropriate to Viet Nam's conditions; 2019	PRIORITY implementation	Ministries, sectors, localities, enterprises	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

3.3. Chuẩn bị nguồn lực tài chính

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
45	Xây dựng quy trình phân bổ ngân sách chi thường xuyên cho các chương trình/dự án BĐKH và TTX. 2019	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris.	Tài chính.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
46	Xây dựng quy trình lập kế hoạch đầu tư (công) cho BĐKH, TTX trung hạn và hàng năm. 2019	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris.	Bộ KHĐT.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
47	Bố trí nguồn lực để xây dựng các thông báo quốc gia định kỳ cho UN-FCCC bao gồm kiểm kê quốc gia KNK; báo cáo cập nhật 2 năm một lần, thông báo quốc gia về thích ứng với BĐKH; thông báo quốc gia về BĐKH... Thực hiện cho cả giai đoạn	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris.	Bộ TC, TNMT.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

3.3. Preparation of financial resources

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
45	Develop guidelines for climate change finance and investment 2019	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MOF	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
46	Develop the procedure for medium-term and annual investment planning (public) for climate change, green growth 2019	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MPI	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
47	Allocate resources to develop periodic national communications to UNFCCC, including National GHG Inventory, Biennial Updated Report (BUR), national communication on adaptation, national communication on climate change...	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MOF, MONRE	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
48	Đánh giá thực trạng đầu tư cho BĐKH và TTX ở Việt Nam để xác định nhu cầu, mức thiếu hụt, mức độ ưu tiên đầu tư từ khu vực công và khu vực tư nhân, các trở ngại cần tháo gỡ để khai thông nguồn đầu tư cho ứng phó BĐKH từ khu vực nước ngoài và khu vực tư nhân. 2016	UÛU TIÊN thực hiện.	Bộ KHĐT, Tài chính.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
49	Đề xuất danh mục các dự án ứng phó với BĐKH và TTX, ưu tiên dự án thực hiện các cam kết trong NDC, có khả năng huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, chú trọng các dự án phát triển năng lượng tái tạo huy động nguồn lực từ khối tư nhân, hỗ trợ quốc tế. 2018	UÛU TIÊN thực hiện để huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước.	Bộ KHĐT, Bộ TNMT, các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
50	Xây dựng Khung Huy động nguồn lực cho BĐKH và TTX bao gồm khu vực tư nhân; kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với Thỏa thuận Paris, kế hoạch phát triển KT-XH 2016-2020. 2016	UÛU TIÊN thực hiện.	Bộ KHĐT, TC, NHNN, các Bộ ngành, địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
48	Assess Viet Nam's climate change investments and GG to determine needs, deficit, investment priority of private and public sectors, barriers to foreign and private investments for climate change response; 2016	PRIORITY implementation	MPI, MOF	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
49	Propose a list of climate change response and GG projects that have potentials to encourage participation from all economic sectors with the focus on development of renewable energies with private sector and international support 2018	PRIORITY implementation to mobilize resources from non-state economic sectors	MPI, MONRE, other ministries, sectors, localities, enterprises	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
50	Develop the Resource Mobilization Framework for climate change and GG inclusive of private sectors; develop an implementation plan that is in line with the Paris Agreement and the socio-economic development plan for 2016-2020; 2016	PRIORITY implementation	MPI, MOF, SBV, other ministries, sectors, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
51	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và áp dụng các công cụ tài chính như tín dụng xanh, trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh theo đó có bộ tiêu chí về các dự án xanh. 2017	UÙ TIÊN thực hiện.	Bộ TC, Ngân hàng nhà nước, Bộ KHĐT, Ủy ban Chứng khoán.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

IV. NHIỆM VỤ THIẾT LẬP HỆ THỐNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH (MRV)

4.1. MRV cho giảm nhẹ phát thải KNK

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
52	Thiết lập hệ thống Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK ở cấp quốc gia, hướng tới đạt được các mục tiêu giảm phát thải KNK trong NDC. 2018	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và Quyết định số 2359/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.	Bộ TNMT	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
51	Accelerate the development and implementation of financial instruments such as green bond, green investment fund; 2017	PRIORITY implementation	MOF, SBV, MPI, SSC	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

IV. ESTABLISHMENT OF TRANSPARENCY SYSTEM (MRV)

4.1. MRV for mitigation of GHG emissions

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
52	Establish the Measurement, Reporting, and Verification system (MRV) for national scale GHG emission mitigation activities in the NDC 2018	COMPULSORY as required by the Paris Agreement and Decision No.2359/QĐ-TTg dated 22/12/2015 of Prime Minister	MONRE	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
53	Thiết lập Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK cấp ngành cho lĩnh vực công nghiệp. 2018	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và Quyết định số 2359/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.	Bộ CT	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
54	Thiết lập Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK cấp ngành cho lĩnh vực giao thông vận tải. 2020	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và Quyết định số 2359/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Bộ GTVT	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
55	Thiết lập Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK cấp ngành cho lĩnh vực nông nghiệp. 2018	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và Quyết định số 2359/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Bộ NNPTNT	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
53	Establish the Measurement, Reporting, and Verification system (MRV) for sectoral scale GHG emission mitigation activities for the industrial sector; 2018	COMPULSORY as required by the Paris Agreement and Decision No.2359/QĐ-TTg dated 22/12/2015 of Prime Minister	MOIT	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
54	Establish the Measurement, Reporting, and Verification system (MRV) for sectoral scale GHG emission mitigation activities for the transportation sector; 2020	COMPULSORY as required by the Paris Agreement and Decision No.2359/QĐ-TTg dated 22/12/2015 of Prime Minister	MOT	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
55	Establish the Measurement, Reporting, and Verification system (MRV) for sectoral scale GHG emission mitigation activities for the agricultural sector; 2018	COMPULSORY as required by the Paris Agreement and Decision No.2359/QĐ-TTg dated 22/12/2015 of Prime Minister	MARD	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
56	Thiết lập Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK cấp ngành cho lĩnh vực xây dựng. 2018	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và Quyết định số 2359/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.	Bộ XD	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
57	Thiết lập Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK cấp ngành cho lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF). 2018	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và Quyết định số 2359/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.	Bộ TNMT, NNPT-NT	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

4.2. MRV cho thích ứng với BĐKH

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
58	Định kỳ xây dựng Thông báo thích ứng quốc gia bao gồm cả tiến độ đạt được mục tiêu thích ứng trong NDC. 2020, 2025, 2030	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris.	Bộ TNMT, các Bộ, ngành và địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
56	Establish the Measurement, Reporting, and Verification system (MRV) for sectoral scale GHG emission mitigation activities for the construction sector; 2018	COMPULSORY as required by the Paris Agreement and Decision No.2359/QĐ-TTg dated 22/12/2015 of Prime Minister	MOC	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
57	Establish the Measurement, Reporting, and Verification system (MRV) for sectoral scale GHG emission mitigation activities for the land use, land-use change and forestry (LULUCF) sector; 2018	PRIORITY implementation based on the Paris Agreement and Decision No.2359/QĐ-TTg dated 22/12/2015 of Prime Minister Inventory.	MARD, MONRE	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

4.2. MRV for adaptation to climate change

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/cooperating agencies	Financial resources
58	National Communication on Adaptation including the implementation progress of adaption to climate change in the NDC 2020, 2025, 2030	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MONRE, other ministries, sectors, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
59	Thiết lập hệ thống Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các hoạt động thích ứng với BĐKH ở cấp quốc gia, cấp tỉnh. 2018	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris.	Bộ TNMT.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

4.3. MRV cho huy động nguồn lực

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
60	Xây dựng các Báo cáo ngân sách cho ứng phó với BĐKH và TTX phục vụ đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ 2018, 2023, 2028	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris.	Bộ KHĐT chủ trì phối hợp với Bộ TC.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
61	Thiết lập hệ thống huy động nguồn lực cho BĐKH ở cấp quốc gia. 2018	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris .	Bộ KHĐT chủ trì phối hợp với Bộ TC, NHNN.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
62	Xây dựng hệ thống giám sát chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực. 2020	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris.	Bộ KHCN, các Bộ, ngành.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
59	Establish the Measurement, Reporting, and Verification system (MRV) for national and provincial scale climate change adaptation activities 2018	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MONRE	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

4.3. MRV for resource allocation

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
60	Develop budget reports for responding to climate change, green growth to serve periodical evaluation of global efforts 2018, 2023, 2028	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MPI leads and coordinates with MOF	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
61	Establish a national scale resource allocation system for climate change; 2018	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MPI leads and coordinates with MOF, SBV	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
62	Establish a surveillance system for technology transfer and capacity building; 2020	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MOST, ministries and sectors	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

V. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, THỂ CHẾ

5.1. Xây dựng và hoàn thiện chính sách

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ / Năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/ cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
63	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chiến lược ứng phó với BĐKH, quy định giảm nhẹ phát thải KNK, TTX, thích ứng với BĐKH phù hợp với các cam kết đóng góp của Việt Nam trong NDC, yêu cầu của quốc tế, kinh nghiệm thực hiện giai đoạn 2016-2020; nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật BĐKH. 2018	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris.	Bộ TNTM, các Bộ, ngành.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
64	Xây dựng, cập nhật khung chính sách ứng phó với BĐKH thuộc Chương trình SP-RCC 2020 phù hợp với yêu cầu triển khai thực hiện Thỏa thuận Paris. Hàng năm đến 2020	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và cam kết trong khuôn khổ Chương trình SP-RCC.	Các Bộ: TNMT, KHĐT, TC, NNPT-NT, CT, XD, GTVT, KHCN, GD, YT.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
65	Tiếp tục triển khai lồng ghép các vấn đề BĐKH và TTX vào trong các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình ưu tiên cho đầu tư phát triển. Thực hiện cho cả giai đoạn	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và Chiến lược quốc gia về BĐKH.	Bộ KHĐT, các Bộ, ngành và địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

V. DEVELOPMENT AND REVISION OF POLICIES AND INSTITUTIONS

5.1. Development and revision of policies

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
63	Review, adjust, make additions to strategies to respond to climate change, policies on GHG emission mitigation, GG, climate change adaptation in accordance with Viet Nam's commitments in INDC, international requirements, implementation experience from 2016-2020 period; prepare for development of Climate Change Law; 2018	COMPULSORY as required by the Paris Agreement	MONRE, other ministries, sectors	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
64	Develop and update the Policy Matrices of SP-RCC 2016- 2020, in accordance with requirements of the Paris Agreement; Annually until 2020	COMPULSORY as required by the Paris Agreement and commitments to SP-RCC development partners	MONRE, MPI, MOF, MARD, MOIT, MOC, MOT, MOST, MOET, MOH	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
65	Continue to integrate climate change issues into policies, plans, planning, and priority programs of ministries, sectors, and localities.	COMPULSORY as required by the Paris Agreement and the National Climate Change Strategy;	MPI, other ministries, sectors, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>

5.2. Sắp xếp thể chế

Nhiệm vụ số	Tên nhiệm vụ/ năm hoàn thành	Loại nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/ cơ quan phối hợp	Nguồn lực tài chính
66	Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bảo đảm mỗi Bộ, ngành, địa phương đều có đầu mối xử lý các vấn đề BĐKH 2017	BẮT BUỘC theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris và công tác ứng phó BĐKH.	Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành, địa phương, UBQGBĐKH.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
67	Tăng cường điều phối giải quyết các vấn đề liên vùng, liên ngành trong ứng phó với BĐKH. Thực hiện cho cả giai đoạn	UÙ TIÊN triển khai Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.	Bộ TNMT, UBQG-BĐKH; các Ban chỉ đạo phát triển KTXH vùng; các Bộ, ngành, địa phương.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>
68	Tăng cường đàm phán quốc tế xây dựng các hướng dẫn thực hiện Thỏa thuận Paris; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia; huy động các nguồn lực quốc tế hỗ trợ ứng phó với BĐKH và nâng cao vị thế của Việt Nam. Thực hiện cho cả giai đoạn	UÙ TIÊN thực hiện theo Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.	Ban Công tác đàm phán của Việt Nam về BĐKH.	Ngân sách nhà nước: <input checked="" type="checkbox"/> Hỗ trợ quốc tế: <input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp, cộng đồng: <input type="checkbox"/>

5.2. Institution arrangements

Task no.	Task description/ year of completion	Type of task	Leading/ cooperating agencies	Financial resources
66	Revision of the functions, responsibilities and structure of the climate change sector to consolidate a coordination point in handling climate change issues for all ministries, sectors and localities, in order for efficient task execution and international integration; 2017	COMPULSORY as required by the Paris Agreement and ever increasing requirements in climate change response	MOHA, other ministries, sectors, localities, NCCC	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
67	Enhance coordination in handling regional, inter-sectoral issues in response to climate change;	PRIORITY implementation based on Decision No. 593/QĐ-TTg dated 06/4/2016 by the Prime Minister	MONRE; NCCC; regional steering committees for socio-economic development; other ministries, sectors, localities	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>
68	Strengthen international negotiations to develop implementation guidelines for the Paris Agreement; protect legitimate national rights and interests; mobilize international support for Viet Nam to respond to climate change and enhance its position in the climate change field.	PRIORITY implementation based on Decision No.80/QĐ-TTg dated 12/01/2012 by Prime Minister	Climate Change Negotiation Team of Viet Nam	Direct Government budget: <input checked="" type="checkbox"/> Direct international support: <input checked="" type="checkbox"/> From enterprises, communities: <input type="checkbox"/>